



# BẢN TIN

# THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

BAN CHỈ ĐẠO THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**Tuần 51 (từ 21/12 - 25/12/2015)**

BẢN TIN  
THỊ TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

Tài liệu tham khảo

(Phát hành thứ 6 hàng tuần)

Cơ quan thường trực

**CỤC CHẾ BIẾN  
NÔNG LÂM THỦY SẢN  
VÀ NGHỀ MUỐI**

Địa chỉ:

Số 10 Nguyễn Công Hoan  
Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37711210

Fax: 84.4.37711125

Email: [thuongmai.cb@mard.gov.vn](mailto:thuongmai.cb@mard.gov.vn)

Website: [chebien.mard.gov.vn](http://chebien.mard.gov.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung

**TRUNG TÂM  
TIN HỌC VÀ THỐNG KÊ**

Địa chỉ:

Số 2 - Ngọc Hà - Ba Đình  
Hà Nội

Điện thoại: 84.4.37341635

Fax: 84.4.38230381

Email: [trangtin@mard.gov.vn](mailto:trangtin@mard.gov.vn)

Website: [www.mard.gov.vn](http://www.mard.gov.vn)



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN TRONG TUẦN

### TÌNH HÌNH CHUNG

Tâm điểm của kinh tế thế giới tuần qua tập trung vào cuộc họp chính sách trong 2 ngày 15-16/12 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Kết thúc cuộc họp, FED đã quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 0-0,25% lên 0,25-0,5%, đánh dấu lần tăng lãi suất đầu tiên của FED trong 10 năm gần đây và chấm dứt hàng loạt dự báo về thời điểm Mỹ sẽ tăng lãi suất trong thời gian dài vừa qua.

*Thị trường thế giới:* Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo Việt Nam tuần qua giảm nhẹ do nhu cầu mua vào yếu, song vẫn ở mức cao hơn gạo Thái Lan. Không khí giao dịch trên thị trường vẫn tĩnh lặng từ vài tuần nay.

Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua nhờ thông tin Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) điều chỉnh số liệu và hạ dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ 2015-2016, trong khi tiêu thụ cà phê toàn cầu lại được dự đoán tăng.

Giá đường thế giới biến động giảm trong tuần qua do triển vọng vụ mùa mía đường lạc quan tại Brazil.

Giá cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo (Tocom) tuần qua diễn biến theo xu hướng tăng sau khi sụt giảm liên tục vào tuần trước. Tại thị trường Ấn Độ, áp lực bán ra tiêu vụ mới từ các huyện phía nam của Kerala đã đẩy giá tiêu giao ngay giảm trong tuần này.

*Thị trường trong nước:* Sau vài tuần duy trì ở mức cao do nguồn cung hạn hẹp, giá lúa tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) tuần qua đã giảm nhẹ trở lại, từ 50 – 100 đ/kg so với tuần trước.

Giá thu mua hạt điều khô tại Bình Phước trong tuần này tiếp tục tăng 500 đ/kg so với tuần trước lên mức 39.500 đ/kg do nhu cầu cho dịp Tết tăng cao.

Diêm dân tỉnh Bến Tre đang bước vào vụ thu hoạch muối. Tuy nhiên, chưa có năm nào giá muối rớt thảm như năm nay, dù năng suất đạt hơn 60 tấn/ha.

Tuần qua, giá lợn hơi tại các tỉnh phía Nam tiếp tục duy trì ở mức cao. Giá lợn hơi tăng do nhiều tiểu thương, doanh nghiệp đang đẩy mạnh thu mua lợn hơi để chuẩn bị nguồn hàng phục vụ thị trường Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán 2016. Trong khi đó, giá gà trong nước tuần qua có xu hướng giảm do gà ngoại lại đang ồ ạt nhập vào Việt Nam với giá rất rẻ.

# LÚA GẠO



*Thị trường thế giới:* Trên thị trường gạo châu Á, giá gạo Việt Nam tuần qua giảm nhẹ do nhu cầu mua vào yếu, song vẫn ở mức cao hơn gạo Thái Lan. Không khí giao dịch trên thị trường vẫn tĩnh lặng từ vài tuần nay. Thương nhân đang chờ kế hoạch nhập khẩu gạo chi tiết của Phi-lip-pin, dự kiến từ 300.000 – 400.000 tấn gạo trong quý II/2016.

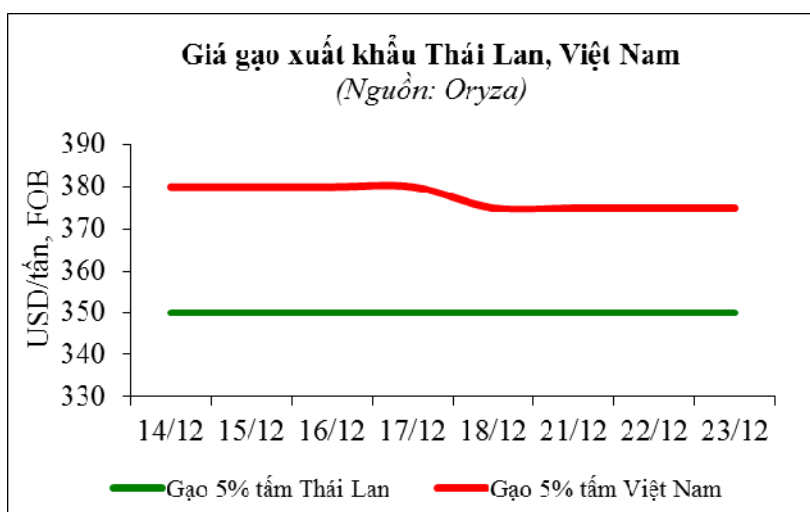
Giá gạo 5% tấm của Việt Nam tuần qua giảm nhẹ, từ 370 – 380 USD/tấn xuống còn 365 – 375 USD/tấn (FOB cảng Sài Gòn), trong khi gạo cùng loại của Thái Lan duy trì ở mức tuần trước là 340 – 350 USD/tấn (FOB Băng Cốc). Giá lúa gạo trên thị trường nội địa Việt Nam tuần qua giảm, nhưng giá gạo xuất khẩu vẫn đứng ở mức cao, khiến Việt Nam khó cạnh tranh với gạo Thái Lan. Theo Tổ chức Lương Nông Liên Hiệp Quốc (FAO), xuất khẩu gạo của Thái Lan và Việt Nam chiếm gần 40% khối lượng thương mại gạo toàn cầu năm 2015.

Thị trường gạo Thái Lan tiếp tục ế ẩm do vắng bóng khách mua. Theo báo cáo tháng 12/2015 của FAO, xuất khẩu gạo của nước này năm nay có thể giảm 13,6% so với năm 2014 xuống còn 9,5 triệu tấn, dự báo xuất khẩu gạo năm 2016 đạt 10,4 triệu tấn.

Trong khi đó, Chính phủ Thái Lan dự báo xuất khẩu gạo nước này năm 2016 chỉ đạt 9 triệu tấn, giảm so với 10 triệu tấn trong năm nay do sản lượng giảm do El Nino. Xuất khẩu gạo sang Trung Quốc và In-đô-nê-xia sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng khối lượng gạo xuất khẩu của Thái Lan. Ủy ban Chính sách Lúa gạo Quốc gia đã thông qua khoản trợ cấp 204 triệu baht (5,7 triệu USD) để hỗ trợ chi phí lãi vay cho các đơn vị xay xát. Chính phủ đang khuyến khích các đơn vị xay xát tạm trữ 1,6 triệu tấn gạo từ tháng 12/2015 đến tháng 3/2016 để kiểm soát giá.

Theo Bộ trưởng Thương mại In-đô-nê-xia, nước này có thể nhập khẩu gạo từ Ấn Độ khi quyết định đưa Ấn Độ vào danh sách các nước Chính phủ cho phép nhập khẩu gạo. In-đô-nê-xia cũng đang lên kế hoạch nhập khẩu được phẩm và thịt bò từ Ấn Độ. Chính phủ hai nước có thể sẽ sớm ký thỏa thuận. Đây là động thái tích cực đối với Ấn Độ, nước đang có mức thâm

hụt thương mại rất lớn với In-đô-nê-xia. Tuy thương mại song phương giữa Ấn Độ và In-đô-nê-xia đạt 19 tỷ USD năm 2014-2015, song thâm hụt thương mại cùng kỳ lên đến 11 tỷ USD.



# LÚA GẠO



*Thị trường trong nước:* Sau vài tuần duy trì ở mức cao do nguồn cung hạn hẹp, giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL tuần qua đã giảm nhẹ trở lại, từ 50 – 100 đ/kg so với tuần trước. Lúa tươi chủng loại IR50404 là loại lúa được tiêu thụ mạnh nhất do được dùng để chế biến gạo xuất khẩu cung cấp theo hợp đồng đã ký với Phi-lip-pin và In-đô-nê-xia, tuy có sụt nhưng vẫn được tiêu thụ tốt. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, diễn biến giá lúa tại một số tỉnh ĐBSCL tuần qua cụ thể như sau: tại An Giang, lúa IR50404 giảm từ 5.000 đ/kg xuống còn 4.950 đ/kg; lúa OM 2717 giảm từ 5.100 đ/kg xuống còn 5.000 đ/kg (lúa tươi). Tại Kiên Giang, lúa dài giảm từ 6.200 đ/kg xuống còn 6.100 đ/kg (lúa khô); lúa tẻ thường vẫn giữ ở mức tuần trước là 5.900 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 vụ Đông Xuân sớm được thu mua với giá 5.100 đ/kg, không thay đổi so với tuần trước. Tại Bạc Liêu, giá bán buôn lúa khô ổn định ở mức 5.700 – 5.800 đ/kg.

Theo báo cáo của Trung tâm Tin học và Thống kê, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 12/2015 ước đạt 629 nghìn tấn với giá trị đạt 267 triệu USD đưa khối lượng xuất khẩu gạo năm 2015 ước đạt gần 6,7 triệu tấn và 2,85 tỷ USD, tăng 5,8% về khối lượng nhưng giảm 2,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá gạo xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2015 đạt 425,83 USD/tấn, giảm 8,05% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2015 với 31,73% thị phần. Trong 11 tháng năm 2015, xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc tăng 4,97% về khối lượng nhưng giảm 3,54% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. So với 11 tháng đầu năm 2014, các thị trường có sự tăng trưởng mạnh là Ma-lai-xia tăng 10,55% về khối lượng và tăng 1,12% về giá trị, vươn lên vị trí thứ 3 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam, chiếm 8,11% thị phần; In-đô-nê-xia tăng 47,86% về lượng và tăng 26,71% về giá trị, đứng vị trí thứ 4 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam; Gha-na tăng 17,62% về khối lượng và tăng 8,70% về giá trị, đứng vị trí thứ 5 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam; Bờ Biển Ngà tăng 43,01% về khối lượng và tăng 26,67% về giá trị, đứng thứ 6 về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam. Đáng chú ý, 11 tháng đầu năm 2015, thị trường Nga có sự tăng trưởng đột biến, tăng gấp 2,04 lần về khối lượng và tăng 81,53% về giá trị. Các thị trường có sự giảm đột biến trong 11 tháng năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014 là Phi-lip-pin (giảm 19,66% về khối lượng và giảm 27,19% về giá trị), Sing-ga-po (giảm 35,59% về khối lượng và giảm 33,92% về giá trị), Hồng Kông (giảm 27,45% về khối lượng và giảm 35,54% về giá trị) và Hoa Kỳ (giảm 29,3% về khối lượng và giảm 24,14% về giá trị).

*N.L.A*

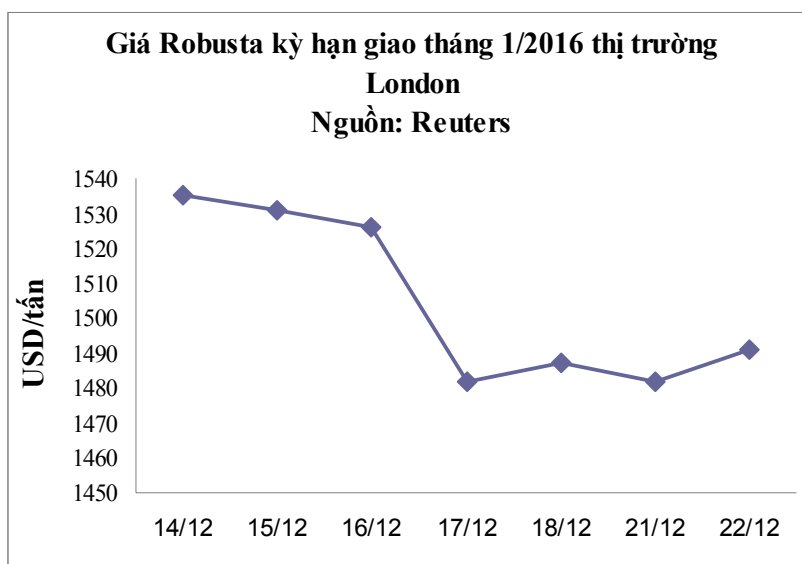


# CÀ PHÊ



*Thị trường thế giới:* Thị trường cà phê thế giới biến động tăng trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 1 thị trường London tăng 4 USD/tấn lên 1.491 USD/tấn. Giá cà phê tăng nhờ có một số thông tin tốt hỗ trợ thị trường cà phê. Mạng lưới Thông tin Nông nghiệp Toàn cầu của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã điều chỉnh số liệu và hạ dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu niên vụ 2015-2016 (tháng 10 - tháng 9), giảm 2,55 triệu bao so với dự báo hồi tháng 6/2015 xuống 150,1 triệu bao. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê toàn cầu lại được dự đoán tăng 0,6 triệu bao lên 148,3 triệu bao.

Nước sản xuất lớn nhất thế giới – Brazil – sẽ thu hoạch 49,4 triệu bao trong niên vụ 2015/16, giảm so với 52,4 triệu bao dự báo hồi tháng 6 và 54,3 triệu bao thu hoạch trong vụ 2014/15. Sản lượng Robusta của nước này sẽ đạt 13,3 triệu bao, giảm 3,7 triệu bao so với niên vụ trước, còn Arabica sẽ đạt 36,1 triệu bao, giảm 1,2 triệu bao, do khô hạn. Kết quả là xuất khẩu cà phê nhân sẽ giảm 3,1 triệu bao xuống 30 triệu bao, còn tồn trữ cuối vụ sẽ giảm 4,2 triệu bao xuống 5,2 triệu bao.



Sản lượng của Indonesia dự báo sẽ tăng 1,8 triệu bao lên kỷ lục 10,6 triệu bao, bởi sản lượng Robusta hồi phục nhờ thời tiết thuận lợi đúng dịp cây trở hoa. Xuất khẩu cà phê nhân của nước này dự báo sẽ tăng 400.000 bao lên 5,5 triệu bao nhờ nhu cầu cao từ EU, còn cà phê hòa tan sẽ tăng 700.000 bao lên 2,6 triệu bao, nhờ nhu cầu mạnh từ Philippin.

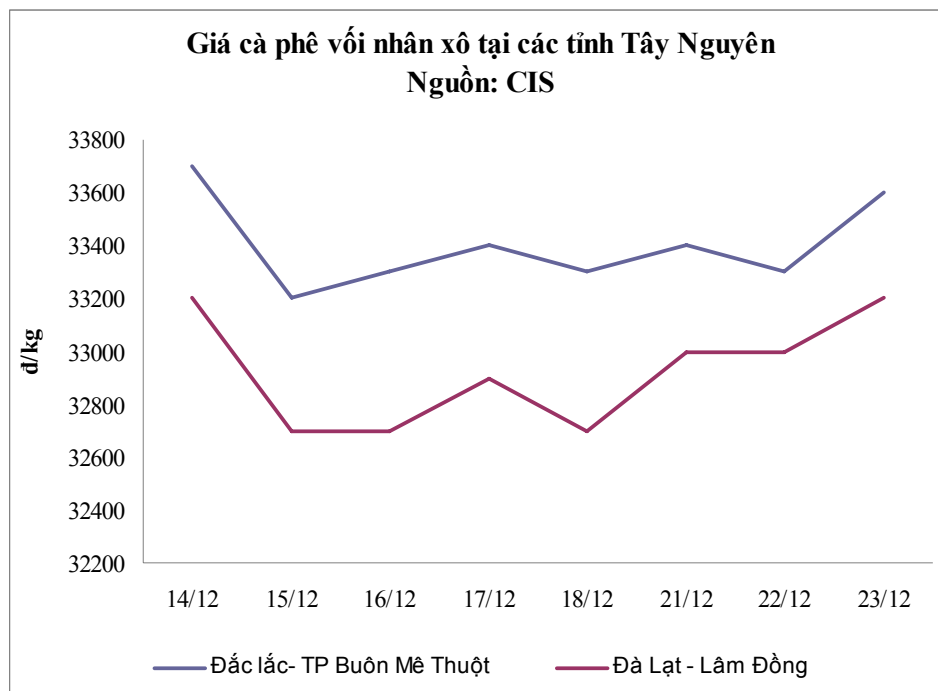
USDA đã nâng ước tính tiêu thụ cà phê niên vụ 2015/16 thêm 583.000 bao lên kỷ lục 148,3 triệu bao, chủ yếu do nhu cầu tại Mỹ - nước uống cà phê lớn thứ 2 thế giới, sau EU - được dự đoán tiêu thụ hàng năm lần đầu tiên đạt 24 triệu bao và tại Nhật Bản - nước tiêu thụ cà phê lớn thứ 4 thế giới - cũng tăng.

*Thị trường trong nước:* Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng với xu hướng thị trường cà phê thế giới. So với cuối tuần trước, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên tăng 300 – 500 đ/kg lên 33.200 – 33.600 đ/kg. Giá cà phê Robusta giao tại cảng TP.HCM giá FOB tăng 9 USD từ 1.568 USD/tấn cuối tuần trước lên 1.577 USD/tấn.

# CÀ PHÊ



Theo USDA, dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2015-2016 của Việt Nam sẽ đạt 29,3 triệu bao, tăng 1,9 triệu bao so với niên vụ trước. Mặc dù năm qua nông dân Việt Nam phản ứng với giá thấp bằng việc giảm lượng bán ra và tích trữ lại, xuất khẩu dự báo sẽ vẫn tăng 6,3 triệu bao lên 26,7 triệu bao, và dự trữ sẽ giảm 1,6 triệu bao xuống 4,2 triệu bao.



Vụ thu hoạch cà phê tại Việt Nam đã hoàn tất khoảng một nửa, trong đó 30% sản lượng đã được chế biến. Vụ thu hoạch có thể kết thúc vào đầu tháng 1/2016.

Theo một số người trồng cà phê, việc tưới tiêu cho niên vụ 2016/17 tới có thể bị ảnh hưởng do nguồn nước ngầm cạn kiệt bởi lượng mưa thấp trong năm nay. Mưa ít là do tác động của hiện tượng thời tiết El Nino khắc nghiệt mang khô hạn tới vùng Đông Nam Á.

Theo báo cáo của Trung tâm Tin học và thống kê, xuất khẩu cà phê trong tháng 12 năm 2015 ước đạt 126 nghìn tấn với giá trị đạt 236 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê năm 2015 ước đạt 1,28 triệu tấn với tổng giá trị 2,56 tỷ USD, giảm 24,6% về khối lượng và giảm 28,1% về giá trị so cùng kỳ năm 2014. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2015 đạt 2.020 USD/tấn, giảm 3,6% so với năm 2014. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2015 với thị phần lần lượt là 13,82% và 11,39%. Ngoại trừ thị trường Nhật Bản (tăng 10,25% về khối lượng và tăng 0,24% về giá trị), giá trị xuất khẩu cà phê trong 11 tháng đầu năm 2015 ở 9 thị trường chính còn lại của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm 2014.

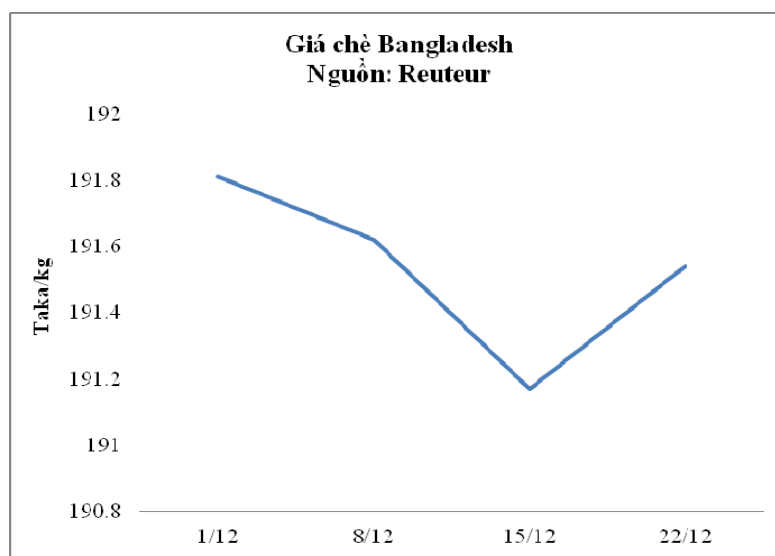
# CHÈ



*Thị trường thế giới:* Giá chè tại Bangladesh tăng nhẹ trong phiên giao dịch tuần này (22/12) nhờ nhu cầu mạnh đối với chè chất lượng cao bất chấp nguồn cung tăng lên. Tại phiên đấu giá thứ 32 của mùa kinh doanh hiện tại, giá chè Bangladesh ở mức trung bình 191,54 taka/kg (2,44 USD/kg), tương đương so với mức 191,17 taka/kg tại phiên đấu giá trước đó (ngày 15/12). Khoảng 2,03 triệu kg đã được chào bán tại trung tâm đấu giá duy nhất Chittagong, trong đó có 15,53% chưa được bán. Tại phiên đấu giá trước, khoảng 11,48% trong số 2,01 triệu kg chưa được bán.

Giá chè Best Broke Pekoe Ones (BP1s) TEABP1-BEST-KE hạng nhất Kenya trong phiên đấu giá tuần này ở Mombasa ổn định so với phiên đấu giá tuần trước, đạt mức 3,22- 4,12 USD/kg. Trong khi đó, giá chè Best Brighter Pekoe Fanning Ones (PF1s) TEAPF1-BEST-KE tuần này đạt mức 3,60 - 4,08 USD/kg, giảm so với 3,48 - 4,14 USD/kg tuần trước.

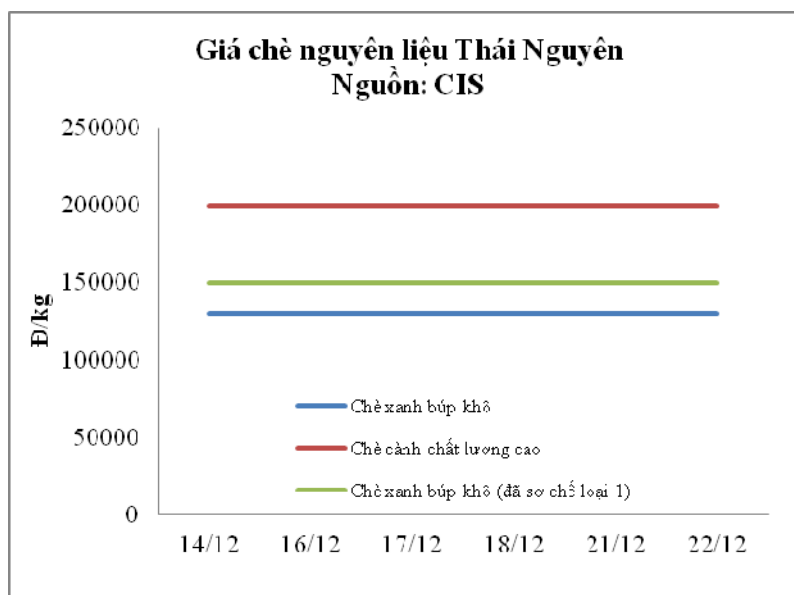
Sản lượng chè của Sri Lanka trong tháng 11 đã giảm 15,9% so với cùng kỳ năm trước do mưa lớn và giá giảm, Ủy ban Chè quốc gia nước này cho biết. Sản lượng giảm tháng thứ ba liên tiếp trong tháng mười một và đó là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng Năm. Theo số liệu, sản lượng tính đến hết tháng 11/2015 giảm 2,7% và dự kiến cả năm sẽ thiếu hụt 8-10 triệu kg từ mức sản lượng dự báo 340 triệu kg. Kim ngạch xuất khẩu chè của nước này dự kiến cũng sẽ thấp hơn so với mục tiêu vì các thị trường xuất khẩu chính như Trung Đông, Nga và Ukraine giảm 10-12%. Năm 2014, xuất khẩu chè đạt mức cao kỷ lục với 1,63 tỉ USD so với 1,54 tỉ USD trong năm 2013. Chè, mặt hàng nông sản xuất khẩu hàng đầu của Sri Lanka, là một trong những nguồn thu ngoại tệ chính cho nền kinh tế trị giá 78,6 tỉ USD này.



# CHÈ



*Thị trường trong nước:* Tuần này giá chè nguyên liệu tại Thái Nguyên vẫn duy trì ổn định so với tuần trước. Cụ thể, giá chè xanh búp khô giữ ở mức 130.000đ/kg, giá chè cành chất lượng cao vẫn giữ ở mức giá cao là 200.000đ/kg. Tương tự, tại Bảo Lộc, Lâm Đồng giá chè nguyên liệu sản xuất trà xanh loại 1 ổn định ở mức 9.000 đ/kg, trong khi chè nguyên liệu sản xuất trà đen loại 1 cũng ổn định mức 4.500 đ/kg. Tuy đã vào thời điểm giáp Tết nhưng thị trường chè vẫn chưa sôi động, giá vẫn chưa tăng do các nhà chè biến vẫn chưa ôm hàng. Nguyên nhân do tình hình thời tiết hiện nay khá thuận lợi, mưa nhiều tạo điều kiện cho búp chè phát triển nên khả năng nguồn cung không thiếu. Ngoài ra, xuất khẩu chè của Việt Nam trong năm 2015 giảm cả về khối lượng và giá trị, giá xuất khẩu sang thị trường chính là Pakistan giảm. Dự kiến khoảng chục ngày nữa thị trường chè trong nước sẽ bắt đầu sôi động phục vụ nhu cầu trong dịp Tết cổ truyền.





## Tham khảo giá chè xuất khẩu tuần 17-22/12/2015

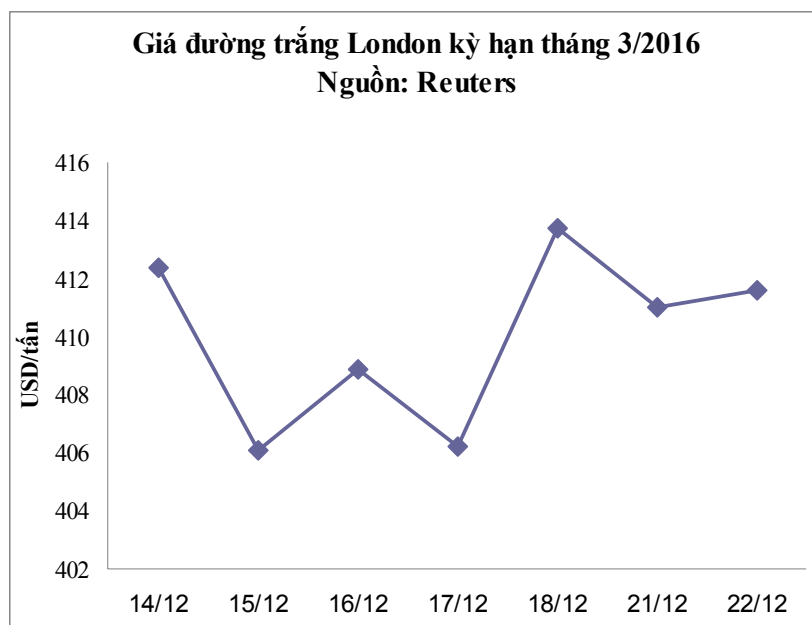
Mặt hàng	ĐV tính	Đơn giá	Thị trường	Cửa khẩu	Đ/k giao
Chè đen OPA 170 (Hàng đóng đồng nhất 26 kg/bao), mới 100%#&VN	kg	\$2.00	HongKong	Cảng Hải An	FOB
Chè đen FBOP (Hàng đóng đồng nhất 50 kg/bao ), mới 100%#&VN	kg	\$1.60	Indonesia	GREEN PORT (Hải Phòng)	CFR
Chè đen Việt Nam OPA2-NS-939 - LOT.939A#&VN	kg	\$1.10	Malaysia	GREEN PORT (Hải Phòng)	C&F
Chè xanh OP. Đóng gói đồng nhất 35Kg/Bao, trọng lượng cả bì 35.7Kg/Bao mới 100%#&VN	kg	\$2.72	Pakistan	Cảng Hải An	C&F
Chè đen GFOP Y, Mới 100%	kg	\$2.63	Russian Federation	Tân cảng Hải Phòng	CFR
Chè đen BP1, Hàng đóng đồng nhất 60 kgs/bao. Hàng mới 100%#&VN	kg	\$1.69	Singapore	Tân cảng Hải Phòng	CFR
Chè đen loại PSU, đã héo vò lên men và sấy khô, đóng gói 30kg/bao, tổng 101 bao, sản xuất tại Việt Nam, hàng mới 100%#&VN	kg	\$1.05	Taiwan	Tân cảng Hải Phòng	CIF
Chè đen đã sấy khô STD6456/15 OPA (30KG/ BAO) hàng mới 100% do Việt Namsản xuất . Số lượng 878 bao. Đóng trong 2 container #&VN	kg	\$1.64	United Arab Emirates	Cảng Hải An	FOB
Chè đen OPA 150 (Hàng đóng đồng nhất 26 kg/bao), mới 100%#&VN	kg	\$1.60	United Kingdom	Tân cảng Hải Phòng	CIF
Chè đen BOPF(50Kg/1Bao; KRAFT Nhập Khẩu)	kg	\$1.77	United States of America	GREEN PORT (HP)	DDU
Chè đen PEKOE STD.3349, ĐÓNG Gói 34KG/BAO GIẤY#&VN	kg	\$3.16	Uzbekistan	Yên Viên (Hà Nội)	DAP



# MÍA ĐƯỜNG



*Thị trường thế giới:* Thị trường đường thế giới biến động giảm trong tuần qua. So với cuối tuần trước, giá đường trắng London kỳ hạn tháng 3/2016 giảm 2,1 USD/tấn xuống còn 411,6 USD/tấn. Giá đường giảm do triển vọng vụ mùa mía đường lạc quan tại Brazil. Ước tính khoảng 1/3 số nhà máy mía đường tại khu vực Trung Nam nước này vẫn đang hoạt động, con số này cao hơn hẳn con số chưa đầy 10% số nhà máy hoạt động cùng kỳ năm ngoái.



Cơ quan Quản lý Đường Philippin (SRA) cho biết nước này dự kiến sẽ nhập khẩu đường lần đầu tiên trong sáu năm qua vào năm 2016, nhằm tăng nguồn cung cho thị trường trong nước do thời tiết khô hạn bởi hiện tượng thời tiết El Nino khiến sản lượng mía sụt giảm. Regina Bautista-Martin, Giám đốc SRA, cho biết nhập khẩu đường thô trong năm 2016 của Philippin có thể đạt tới 169.385 tấn.

Xu hướng chuyển sang nhập khẩu đường của các nước Đông Nam Á có thể hỗ trợ cho giá đường thế giới, trong bối cảnh thị trường dự báo nguồn cung sẽ thiếu hụt trong niên vụ 2015-2016 này. SRA hạ dự báo sản lượng đường thô trong nước niên vụ 2015-2016 (bắt đầu từ 1/9/2015) xuống 2,22 triệu tấn, so với mức 2,27 triệu tấn, chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu trong nước ước vào khoảng 2,25 triệu tấn. Philippin là nước sản xuất đường lớn thứ tám thế giới và là nước có hạn ngạch xuất khẩu lớn thứ ba vào Mỹ, với số lượng hàng năm là 135.508 tấn.

*Thị trường trong nước:* Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), giá đường bán buôn trên thị trường hiện là 15.000 đồng/kg. Nhiều khả năng giá đường khó có những đợt tăng giá tiếp theo. Nguyên nhân là từ giữa tháng 12 có khoảng 23 nhà máy đi vào vụ sản xuất mía 2015/2016 nên lượng đường sản xuất sẽ vượt nhu cầu tiêu thụ, đẩy lượng đường tồn kho tăng và giá đường có thể giảm.

# MÍA ĐƯỜNG



Năm 2016, lượng đường nhập khẩu theo hạn ngạch WTO của Việt Nam là 86.000 tấn và cùng với đường nhập từ Lào sẽ là nỗi lo chính của các doanh nghiệp mía đường trong nước.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) hiện lượng đường tồn kho của các nhà máy đường và các doanh nghiệp hội viên chỉ còn 40.000 tấn, thấp hơn khoảng 100.000 tấn so với cùng kỳ.

Thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ thành lập hội đồng đấu giá thí điểm nhập khẩu đường cho năm 2016. Còn Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), sẽ kiến nghị hai thành phần tham gia đấu thầu đường nhập khẩu theo hạn ngạch WTO là các thương nhân trực tiếp sử dụng đường làm nguyên liệu sản xuất và thương nhân sử dụng đường thô để sản xuất đường tinh luyện. Những năm trước, đường nhập khẩu theo WTO vừa là đường thô lẫn đường tinh luyện nhưng lần này VSSA kiến nghị chỉ cho nhập đường thô về tinh luyện.

*H.N.N*

# HẠT ĐIỀU



*Thị trường thế giới:* Một sự kết hợp của các yếu tố như giá điều thô nhập khẩu cao, cắt giảm khuyến khích xuất khẩu và tăng lương ở Kerala đã kéo xuất khẩu Hạt điều của Ấn Độ giảm trong năm tài khóa này.

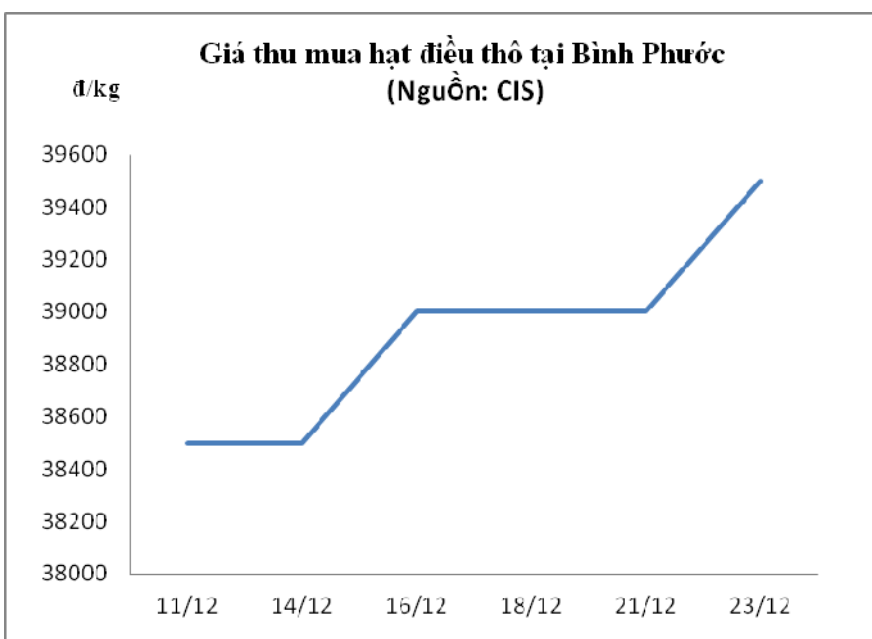
Theo số liệu của Hội đồng Xúc tiến xuất khẩu Hạt điều của Ấn Độ, xuất khẩu điều của Ấn Độ trong tháng 11 ở mức 7.045 tấn, trị giá 362 triệu Rs, giảm 37% về khối lượng và 31% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá nguyên liệu tăng cùng với việc các doanh nghiệp phải trả lương nhân công nhiều hơn đã đẩy chi phí sản xuất điều tăng lên đáng kể. Thậm chí khi giá điều nhân trên thị trường toàn cầu cải thiện từ mức hiện tại 3,50 USD lên 3,60 USD/pound, cũng không đủ bù đắp chi phí cho các nhà xuất khẩu trong nước.

Xuất khẩu điều Ấn Độ đã chạm mức kỷ lục 55,45 tỉ Rs trong năm tài khóa 2014-15, nhưng xuất khẩu có thể sẽ thấp hơn trong năm nay khi giá điều thô được dự kiến sẽ chỉ giảm vào tháng 3 đến tháng 4 năm sau, khi vụ thu hoạch bắt đầu ở các nước sản xuất lớn nhất như Ghana và Bờ Biển Ngà ở Tây Phi.

*Thị trường trong nước:* Giá thu mua điều khô tại Bình Phước trong tuần này tiếp tục tăng 500 đ/kg so với tuần trước lên mức 39.500 đ/kg do nhu cầu cho dịp Tết tăng cao.

Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), với sự điều chỉnh tăng lãi suất mới đây của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), năm 2016, Hạt điều Việt Nam sẽ có thêm điều kiện tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường này. 11 tháng năm 2015, Mỹ nhập khẩu nhân điều từ Việt Nam với số lượng 97,3 ngàn tấn trị giá 718,6 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và tăng 48,15% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu thống kê, trong 11 tháng đầu năm 2015, Việt Nam đã xuất khẩu được trên 300 ngàn tấn điều nhân các loại, đạt kim ngạch xuất khẩu lên đến 2,18 tỷ USD, tăng 7,3% về lượng và tăng 19,2% về trị giá so với cùng kỳ 2014. Năm 2015 tiếp tục là năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam giữ vị trí hàng đầu thế giới về xuất khẩu nhân điều với kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng điều (bao gồm



dầu vỏ Hạt điều và các sản phẩm phụ,...) đạt khoảng 2,5 tỷ USD - cao nhất từ trước đến nay.

# HẠT ĐIỀU



## Tham khảo giá Hạt điều xuất khẩu tuần 17-22/12/2015

Mặt hàng	ĐV tính	Đơn giá	Thị trường	Cửa khẩu	Đ/k giao
Nhân Hạt điều (Hạt điều thô đã bóc vỏ, cha rang) SW320	tấn	\$7,273.30	Australia	Cảng Cát Lái (HCM)	FOB
Nhân Hạt điều sấy khô loại WW240 ( sản xuất tại công ty)#&VN	kg	\$8.30	China	Cửa khẩu Bình Nghi (Lạng Sơn)	DAF
Hạt điều WW320#&VN	tấn	\$7,575.00	Egypt	ICD TRANSIMEX SG	FOB
Hạt điều nhân sấy khô đã qua chế biến loại : W320 (1 CTN = 22.68 KGS)	tấn	\$7,493.70	Germany	Cảng Hiệp Phước (HCM)	FOB
Nhân Hạt điều loại WW320 (700 CTNS)#&VN	kg	\$8.07	HongKong	Cảng Cát Lái (HCM)	FOB
Hạt điều nhân WW320 ( Đã bóc vỏ sấy khô )#&VN	pound	\$3.38	India	Cảng Cát Lái (HCM)	FOB

N.V.A



# HẠT TIÊU



*Thị trường thế giới:* Nhìn chung, thị trường vẫn ổn định trong hai tuần đầu tháng 12 với giao dịch hạn chế và cũng do vướng một số ngày nghỉ lễ và hoạt động dọn kho. Tại Ấn Độ, giá hạt tiêu tăng lên, trong khi ở Việt Nam và Sri Lanka giảm nhẹ. Tại Malaysia và Indonesia, giá địa phương đã tương đối ổn định. Tuy nhiên, nếu tính theo đồng đô la Mỹ, giá giảm 2% do sự suy yếu của các đồng nội tệ so với đồng đô la Mỹ.

Tuy nhiên, tại thị trường Ấn Độ, áp lực bán ra tiêu vụ mới từ các huyện phía nam của Kerala đã đẩy giá tiêu giao ngay giảm trong tuần này. Các nguồn tin thị trường cho biết, việc trộn lẫn tiêu dung trọng thấp với tiêu dung trọng cao để bán cũng đã đẩy giá rớt xuống. Tiêu vụ mới được giao dịch ở mức giá 650-655 Rs/kg. Ở Wayanad, tiêu Pulpally và tiêu Battery vụ trước được giao dịch ở mức giá 650 Rs/kg, trong khi tiêu vùng cao được giao dịch ở mức 655 Rs/kg. Tiêu từ các vùng đồng bằng được bán với giá 635-640 Rs/kg.

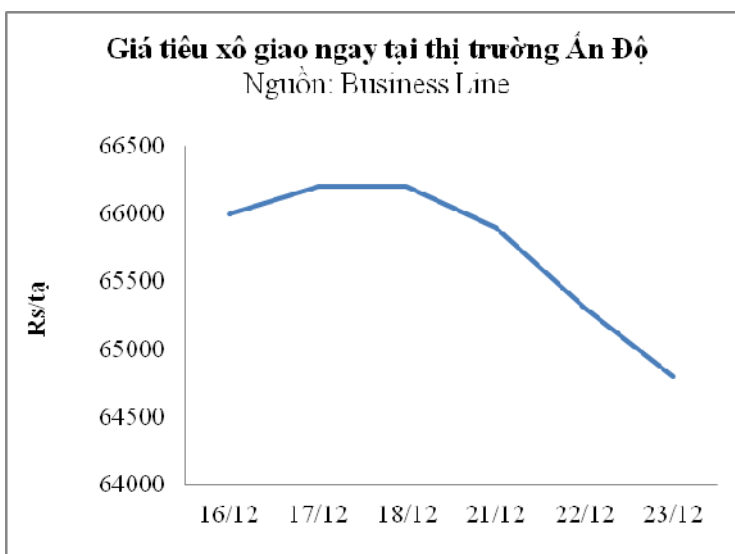
Giá tiêu giao ngay tại thị trường Ấn Độ giảm 1.200 Rs/tạ so với phiên giao dịch cuối tuần trước, xuống mức 64.800 Rs/tạ đối với tiêu xô và 67.800 Rs/tạ đối với tiêu chọn. Tuy nhiên, trên sàn của Hiệp hội Gia vị IPSTA, hợp đồng kỳ hạn tháng Giêng tăng 2.000 Rs lên mức 67.500 Rs/tạ, trong khi hợp đồng giao tháng 2/2016 và tháng 3/2016 tăng 3.000 Rs lên 61.000 Rs/tạ và 58.500 Rs/tạ. Giá tiêu xuất khẩu của Ấn Độ hiện ở mức 10.550 USD/tấn (c&f) giao châu Âu và 10.800 USD/tấn (c&f) đi Mỹ, tăng 50 USD so với cuối tuần trước, cao hơn tiêu xuất khẩu từ các nguồn gốc xuất xứ khác với mức giá chỉ trên dưới 9.000 USD/tấn.

Thu hoạch hạt tiêu vụ 2015/16 tại Ấn Độ bắt đầu từ tháng 12 năm nay ước tính chỉ đạt trong khoảng 45.000-50.000 tấn (theo giới thương nhân) và dự báo khoảng 53.000 tấn (theo Ban Gia vị Ấn Độ). Như vậy, sản lượng tiêu vụ 2015/16 sẽ giảm mạnh so với vụ 2014/15 đạt 70.000 tấn.

Nguyên nhân chủ yếu của sản lượng thất thu của niên vụ mới là do thời tiết thất thường, lượng mưa ít ỏi trong thời gian qua tại các vùng sản xuất tiêu chính. Các nhà

phân tích cho biết lượng mưa trung bình trong mùa mưa năm nay thấp hơn 14% so với năm 2014, thậm chí ở vùng Kerala còn thấp hơn đến 24%.

Giới chuyên gia phân tích, tuy nằm trong top 3 quốc gia sản xuất hồ tiêu lớn nhất thế giới nhưng sản lượng hồ tiêu Ấn Độ vẫn khá thấp và gần như không bắt kịp nhu cầu ngày càng tăng của thị trường toàn cầu do những thay đổi thất thường của thời tiết nước này trong những năm qua.



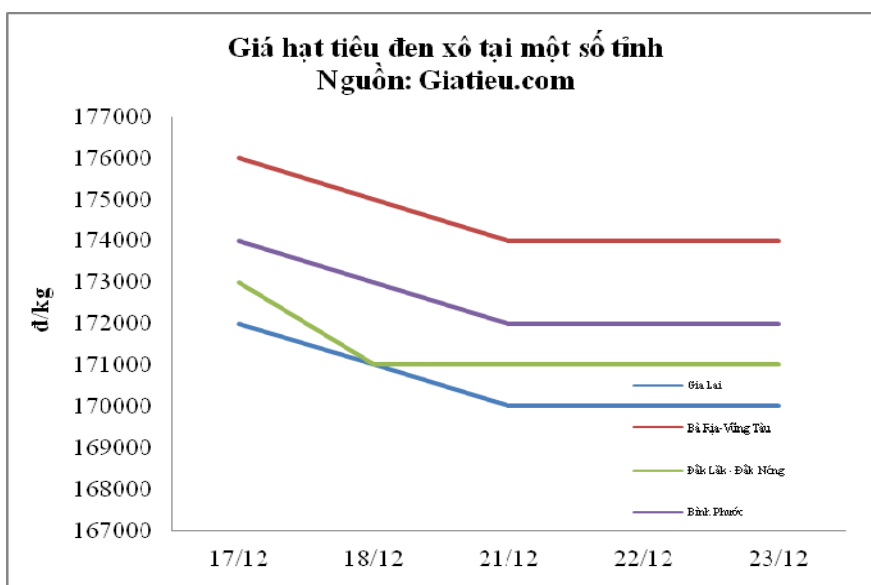
# HẠT TIÊU



*Thị trường trong nước:* Giá thu mua tiêu đen xô nội địa tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, ngày 23/12 giá thu mua tiêu tại các tỉnh trồng tiêu trọng điểm Gia Lai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đắk Lắk, Bình Phước lần lượt ở mức 170.000 đ/kg, 174.000 đ/kg, 171.000 đ/kg, 172.000 đ/kg, trung bình giảm 2.000đ/kg so với tuần trước.

Theo báo cáo thống kê của Trung tâm Tin học và Thống kê, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 12 năm 2015 ước đạt 8 nghìn tấn, với giá trị đạt 72 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu năm 2015 lên 135 nghìn tấn với giá trị 1,26 tỷ USD, giảm 13% về khối lượng nhưng tăng 5% về giá trị. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2015 đạt 9.335 USD/tấn, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2014. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất và Singapore với 35,87% thị phần. Các thị trường có giá trị tăng mạnh là Đức (35,51%), Hàn Quốc (32,73%), Tây Ban Nha (31,18%) và Anh (30,25%), .

Hiện nay, Việt Nam xuất khẩu hồ tiêu đến hơn 100 thị trường khác nhau. Vì vậy, có thể nói, hồ tiêu Việt Nam đang giữ vai trò chi phối ngành hàng này trên thế giới. Điều này lý giải tại sao tuy sản lượng xuất khẩu giảm trong năm nay, nhưng do biết cách điều tiết thị trường phù hợp trong những thời điểm khác nhau đối với cung-cầu thị trường thế giới trong năm nên giá hồ tiêu Việt Nam vẫn luôn được giữ ổn định ở mức trung bình 180.000-200.000 đ/kg từ năm 2007. Dù từ đầu tháng 12 đến nay giá hồ tiêu trong nước dao động theo chiều đi xuống và hiện vẫn chưa phục hồi, nhưng vẫn ở mức khá cao. Vụ thu hái hạt tiêu Việt Nam vào chính vụ vào cuối tháng 1 hàng năm. Dự báo, tình hình cung cầu hồ tiêu thế giới năm 2016 vẫn không thay đổi lớn so với năm 2015 khi tổng cầu vẫn lớn hơn lượng cung. Theo đó, tổng lượng xuất khẩu kỳ vọng có thể bằng hoặc cao hơn năm 2015.

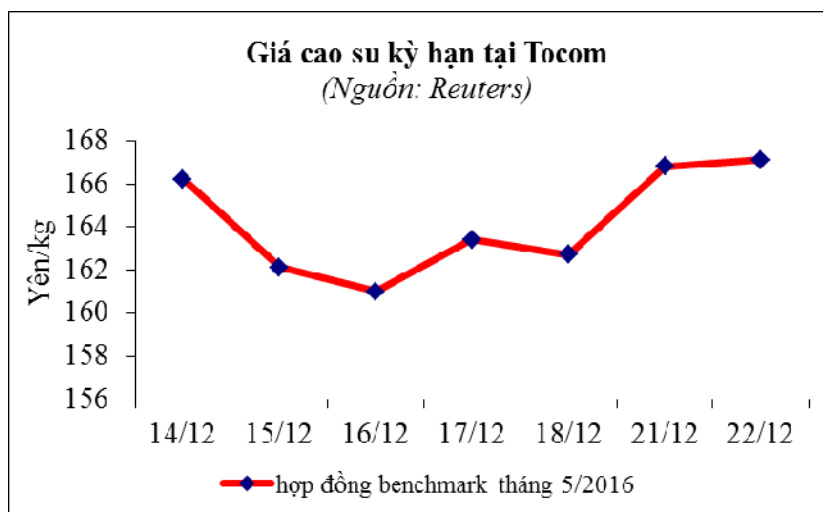




*Thị trường thế giới:* Giá cao su kỳ hạn tại Sở Giao dịch Hàng hóa Tokyo (Tocom) tuần qua diễn biến theo xu hướng tăng sau khi sụt giảm liên tục vào tuần trước. Đồng Yên Nhật tăng giá làm gia tăng dự báo của Ngân hàng Nhật Bản có thể không nới lỏng chính sách tiền tệ nhiều như dự kiến, khiến những tài sản mua bằng đồng Yên rẻ hơn khi mua bằng tiền tệ khác. Kết thúc phiên giao dịch 22/12, giá cao su hợp đồng benchmark tháng 5/2016 đóng cửa ở mức cao 167,1 Yên/kg, tăng 6,1 Yên kể từ mức thấp 161 Yên/kg hôm 16/12. Hợp đồng kỳ hạn tháng 12/2015 đã đáo hạn vào ngày 21/12 ở mức thấp 148 Yên/kg.

Thị trường cao su thế giới dự đoán sẽ tiếp tục giảm trở lại khi giá dầu thế giới xuống thấp nhất trong vòng 11 năm do tình trạng dư thừa cung toàn cầu. Giá dầu Brent phiên đầu tuần 21/12/2015 xuống thấp nhất kể từ tháng 7/2004, trong khi giá dầu Hoa Kỳ xuống dưới 34 USD/thùng lần đầu tiên kể từ năm 2009 do cả Hoa Kỳ và Arab Saudi cho thấy những dấu hiệu tiếp tục bơm lượng dầu kỷ lục bất chấp tình trạng thừa cung toàn cầu. Đến nay, giá dầu đã giảm 68% so với mức đỉnh hồi tháng 6/2014 sau 18 tháng giảm liên tục. Các nhà sản xuất dầu của Hoa Kỳ và Canada đã áp dụng nhiều tiến bộ khoa học cũng như khả năng tìm kiếm các nguồn dầu mỏ mới, nhưng Arab Saudi và các nước xuất khẩu khác đã từ chối cắt giảm sản lượng, dẫn đến tình trạng thừa cung trầm trọng trong bối cảnh các nhà sản xuất trên toàn thế giới cố gắng giành và giữ thị phần.

Các Bộ trưởng của ba nước sản xuất cao su thiên nhiên hàng đầu thế giới gồm Thái Lan, In-đô-nê-xia và Ma-lai-xia thống nhất sẽ thành lập một sàn giao dịch mới cho cao su thiên nhiên vào cuối quý 1/2016 nhằm phục hồi giá sau 5 năm giảm liên tục. Hệ thống giao dịch mới này vẫn còn sơ lược về thông tin chi tiết nhưng mục tiêu tổng quát là thiết lập một diễn đàn mở để cung cấp giá minh bạch cho người sản xuất cao su mà phần lớn là cao su tiểu điền tại 3 nước này. Nông dân trồng cao su đã chịu nhiều khó khăn về tài chính sau khi giá cao su đã giảm đến 60% kể từ năm 2011. Cao su còn là một vấn đề chính trị gây khó khăn tại các quốc gia Đông Nam Á. Năm 2013, giá cao su thấp đã khiến nông dân Thái Lan biểu tình yêu cầu Chính phủ phải hành động để tháo gỡ khó khăn.





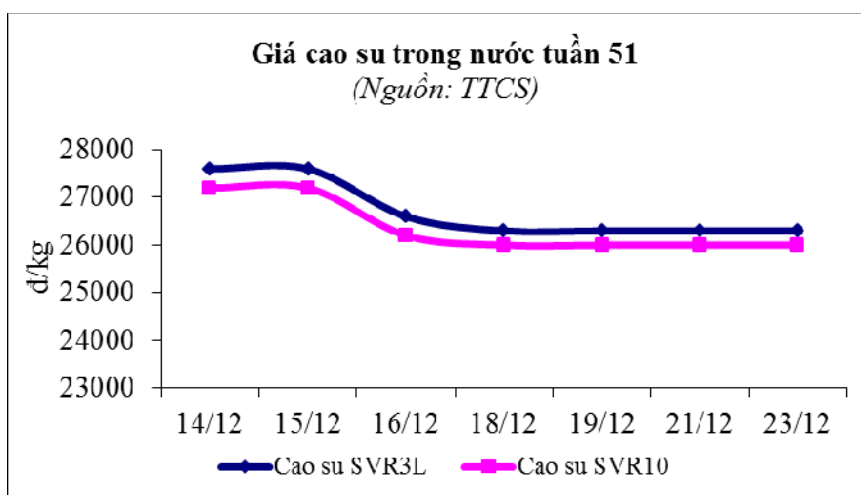
*Thị trường trong nước:* Trong tuần, giá cao su nguyên liệu tại Bình Phước, loại mủ cao su 32 độ/kg tăng lên mức 6.400 đ/kg vào ngày 21/12, nhưng ngay sau đó đã giảm trở lại mức 5.760 đ/kg vào ngày 23/12.

Giá cao su thành phẩm tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tuần qua diễn biến giảm. Cụ thể: cao su SVR 3L giảm từ 26.600 đ/kg (16/12) xuống còn 26.300 đ/kg (18/12) và duy trì ở mức này đến hiện tại; cao su SVR10 giảm 27.200 đ/kg xuống còn 26.000 đ/kg.

Trong tuần từ 14/12 – 18/12/2015, giá cao su Việt Nam xuất khẩu chào bán tiếp tục không thay đổi, giá SVR 3L xuất khẩu chào bán vẫn là 1.230 USD/tấn. Từ ngày 01 – 18/12, giá SVR 3L của Việt Nam xuất khẩu chào bán đạt trung bình 1.230 USD/tấn, giảm 18 USD/tấn (-1,4%) so với mức trung bình trong tháng 11/2015, và giảm 320 USD/tấn (-20,6%) so với tháng 12/2014.

Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 12/2015 đạt 137 nghìn tấn với giá trị đạt 156 triệu USD, với ước tính này năm 2015 xuất khẩu cao su đạt 1,13 triệu tấn, giá trị đạt 1,52 tỷ USD, tăng 6,1% về khối lượng nhưng giảm 14,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Giá cao su xuất khẩu bình quân 11 tháng đầu năm 2015 đạt 1.377 USD/tấn, giảm 18,74% so với cùng kỳ năm 2014. Trung Quốc, Ma-lai-xia và Ấn Độ vẫn duy trì là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2015, chiếm 72,73% thị phần. Giá trị xuất khẩu cao su trong 11 tháng đầu năm 2015 ở 10 thị trường chính của Việt Nam đều giảm so với cùng kỳ năm 2014.

Ước khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 12/2015 đạt 36 nghìn tấn với giá trị đạt 52 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 12 tháng năm 2015 đạt 385 nghìn tấn, giá trị nhập khẩu đạt 641 triệu USD, tăng 17,8% về khối lượng nhưng lại giảm 1,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu từ các nước như Hàn Quốc (chiếm 20%), Nhật Bản (15,9%) và Campuchia (11,6%). Thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ là In-đô-nê-xia tăng gấp 2,8 lần về khối lượng và 2,5 lần về giá trị, tiếp theo là thị trường Ma-lai-xia tăng 35,6% về khối lượng và tăng 27,1% về giá trị.

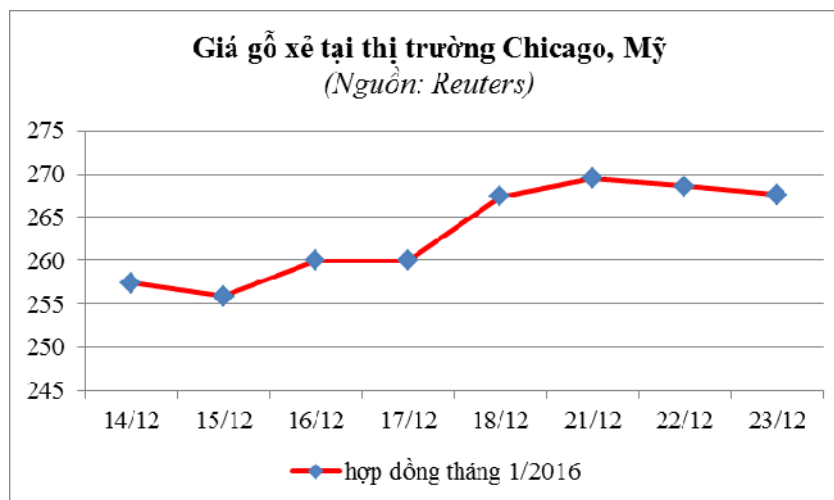




# GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



*Thị trường thế giới:* Sau khi giảm thấp vào tuần trước, giá gỗ xẻ giao kỳ hạn trên thị trường Chicago, Mỹ đã tăng trở lại. Kết thúc phiên giao dịch 23/12, hợp đồng gỗ xẻ giao kỳ hạn tháng 1/2016 đạt 267,6 USD/tbf, tăng 11,7 USD so với mức thấp đạt được hôm 15/12 là 255,9 USD/tbf.



Theo báo cáo Tài nguyên Gỗ hàng quý, giá gỗ sawlog đang có xu hướng giảm ở hầu hết các thị trường trên toàn thế giới trong 5 quý vừa qua và chỉ số giá gỗ xẻ thế giới (GSPI) giảm hơn 14% trong một năm. Trong quý 3/2015, GSPI đạt mức thấp nhất kể từ quý 2/2009. Chỉ số giá gỗ xẻ châu Âu (ESPI) giảm 11,1% trong 18 tháng từ mức giá 94,10 Eur/m<sup>3</sup> xuống còn 84,67 Eur/m<sup>3</sup> trong quý 3/2015, đây là mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua. Kể từ đầu năm 2014, giá gỗ xẻ ở châu Âu giảm nhanh hơn so với hầu hết các nước sản xuất gỗ khác trên thế giới. Thương mại gỗ tròn mềm thế giới trong 9 tháng năm 2015 giảm 12% so với cùng kỳ năm 2014. Phần lớn sự suy giảm là do nhu cầu chậm lại tại thị trường Trung Quốc, trong năm 2015 giảm 21% nhập khẩu gỗ tròn mềm.

Trong quý 3/2015, chỉ số giá gỗ sợi mềm và gỗ sợi cứng (SFPI và HFPI) giảm tương ứng 9% và 11% so với cùng kỳ năm 2014. Nguyên nhân là do sự tăng giá mạnh của đồng USD. Chỉ số SFPI giảm liên tiếp trong 5 quý liên tục, xuống mức thấp nhất trong 6 năm qua, chỉ còn 89,64 USD/odmt trong quý 3/2015. Mức suy giảm mạnh nhất trong quý 2/2015 xảy ra ở Tây Ca-na-đa, Nga, Mỹ La tinh và Châu Đại Dương. Chỉ số HFPI cũng giảm tương ứng, với mức giá trong quý 3/2015 đạt 86,14 USD/odmt, mức thấp nhất kể từ năm 2006. Các khu vực có chỉ số HFPI giảm mạnh nhất trong quý 3/2015 là Nga, Bra-xin, Chi-lê, Úc.

Tình hình sản xuất bột gỗ toàn cầu tiếp tục tăng cao trong năm 2015 so với năm 2014. Trong 8 tháng đầu năm nay, nguồn cung bột gỗ toàn cầu đạt 36,9 triệu tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2014. Giá bột gỗ mềm (NBSK) tiếp tục suy yếu, trong khi giá bột gỗ cứng (BHKP) đã tăng mạnh trong năm 2015.

# GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ



Hoạt động tại các xưởng cưa trên toàn thế giới trong năm 2015 trầm lắng, tuy nhiên thương mại gỗ mềm trong 9 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm 2014. Sản xuất gỗ xẻ tại Bắc Mỹ có xu hướng tăng kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Sự gia tăng sản xuất lớn nhất trong 8 tháng năm 2015 chủ yếu tại thị trường Ca-na-đa. Giá gỗ xẻ ở Mỹ bắt đầu hồi phục trong tháng 10 và tháng 11/2015 sau khi giảm thấp trong tháng 9/2015. Phần Lan và Thụy Điển xuất khẩu gỗ xẻ nhiều hơn trong năm 2015 so với năm 2014. Giá xuất khẩu tính theo đồng USD giảm đáng kể trong năm qua, làm cho các nhà sản xuất gỗ xẻ ở Bắc Âu phải cạnh tranh khó khăn hơn tại thị trường gỗ xẻ Mỹ. Giá gỗ xẻ nhập khẩu vào Trung Quốc giảm mạnh trong năm 2014 và 2015. Trong tháng 10/2015, giá gỗ xẻ nhập khẩu trung bình thấp hơn so với mức đỉnh 25% trong tháng 9/2014. Giảm mạnh nhất là giá gỗ xẻ nhập khẩu từ châu Âu. Xuất khẩu gỗ xẻ mềm từ Nga giảm nhẹ trong quý 3/2015, so với quý 2/2015.

*Thị trường trong nước:* Theo số liệu thống kê, ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 12/2015 đạt 629 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu năm 2015 đạt 6,77 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2014. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc – 3 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2015 – chiếm 67,46% tổng giá trị xuất khẩu. Các thị trường có giá trị tăng mạnh là Ấn Độ (64,45%), Hồng Kông (41,95%), Hoa Kỳ (17,8%) và Đức (10,04%).

Về nhập khẩu, ước giá trị nhập khẩu tháng 12/2015 đạt 173 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu cả năm 2015 đạt 2,13 tỷ USD, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, nhập khẩu gỗ từ thị trường Lào mặc dù giảm nhiều so với 2014 (giảm 40,9%) nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 17,1%, tiếp đến là Cam-pu-chia, Trung Quốc và Hoa Kỳ lần lượt chiếm 17%, 11,9%, và 10,7% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này. Các thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2014 như là Cam-pu-chia (gần 41,9%), Chi-lê (gần 30,2%), Thái Lan (24,3%).

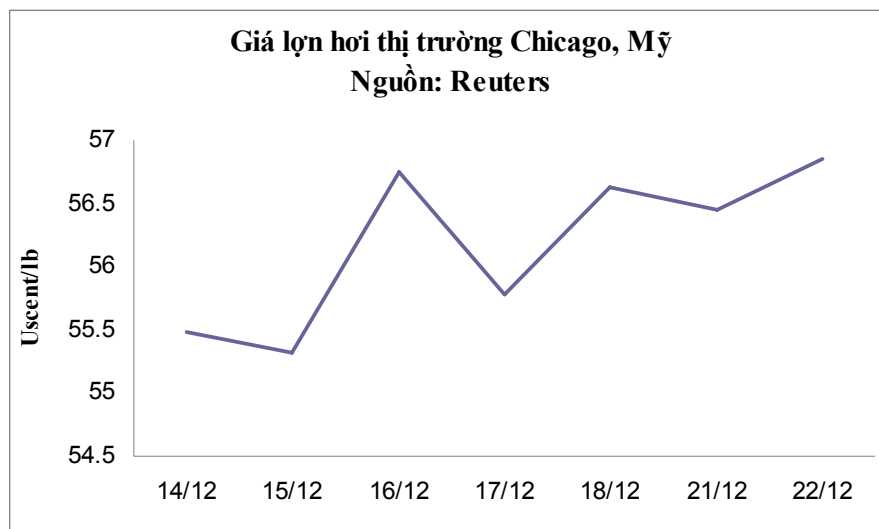
**N.L.A**

# THỊT



*Thị trường thế giới:* Giá lợn hơi thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tuần qua với mức tăng 0,225 UScent/lb lên 56,85 UScent/lb. Giá thịt bò giao ngay tháng 12 tăng 2,2 UScent/lb lên 125,6 UScent/lb và giá thịt bò giao tháng 2 tăng 1,775 UScent/lb lên 131,8 UScent/lb. Giá thịt lợn và thịt bò thị trường Mỹ tăng do lực mua tăng mạnh. Một số nhà chế biến tăng cường mua vào để đảm bảo có đủ nguồn cung khi có thông tin dự báo sắp có một cơn bão đổ bộ vào bang Texas, Oklahoma và Kansas vào cuối tuần này.

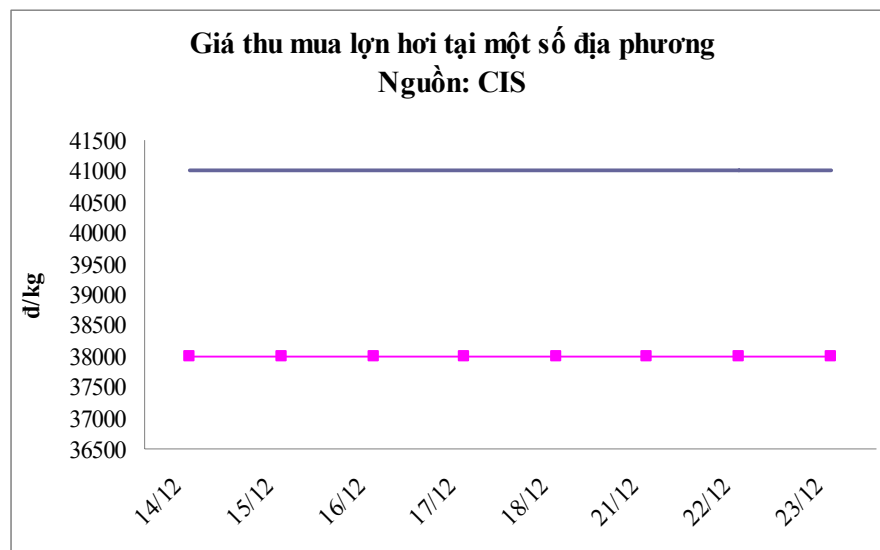
Thời tiết khắc nghiệt đang ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của gia súc tại một số bang của nước Mỹ và cản trở quá trình vận chuyển gia súc đến các nhà máy chế biến. Việc các nhà máy chế biến đóng cửa nghỉ trong dịp lễ cuối năm càng khiến các thương nhân buôn bán thực phẩm tăng cường mua vào.



# THỊT



*Thị trường trong nước:* Tuần qua, giá lợn hơi tại các tỉnh phía Nam tiếp tục duy trì ở mức cao. Giá lợn hơi tại Vĩnh Long hiện là 41.000 đ/kg, giá lợn hơi tại Đồng Nai là 44.000 đ/kg. Tại Long An, Tiền Giang, Bến Tre... hiện lợn hơi loại tốt (giống lợn siêu nạc) có giá 43.000 - 45.000 đồng/kg. Giá lợn hơi tăng do nhiều tiểu thương, doanh nghiệp đang đẩy mạnh thu mua lợn hơi để chuẩn bị nguồn hàng phục vụ thị trường Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán 2016, nhất là sản xuất các sản phẩm chế biến từ thịt lợn như: lạp xưởng, xúc xích... Ngoài ra, gần đây có một lượng lợn hơi được thu mua, xuất khẩu tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc hỗ trợ giá lợn hơi trong nước nhích lên sau một thời gian ở mức thấp.



Tuy nhiên, giá gà trong nước tuần qua có xu hướng giảm. Giá gà thịt lông màu khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL giảm 2.000 đ/kg xuống mức 34.000 – 35.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp ở 2 khu vực này giảm 500 đ/kg xuống 16.500 – 17.000 đ/kg. Giá gà trong nước giảm do gà ngoại lại đang ồ ạt nhập vào Việt Nam với giá rất rẻ.

**H.N.N**





*Thị trường thế giới:* Đồng Bath giảm xuống mức thấp 6 năm trong mùa hè năm 2015 và vẫn duy trì ở mức yếu so với đôla dẫn tới XK tôm nuôi của Thái Lan tăng và giá tôm tại đầm cũng đi lên. Trong tuần đầu của tháng 12/2015, giá tại đầm tiếp tục tăng do lực mua mạnh và sản lượng khai thác từ các nước nuôi tôm khác ở châu Á thấp hơn dự kiến. Từ ngày 30/11 đến 5/12/2015, giá tôm nguyên con cỡ 60 con/kg đạt 4,87–5 USD so với 4,45–4,98 USD của một tuần trước đó. Giá đã tăng trong tuần thứ 3 liên tiếp. Giá tôm đã tăng liên tục trong 2 đến 3 tuần qua tuy nhiên giá tăng mạnh trong 10 ngày qua do một số công ty đóng gói mua nhiều hơn để hoàn thành các đơn hàng và xuất đi trước hạn chót. Giá tôm Thái Lan tăng là do nguồn cung sụt giảm ở các nước nuôi tôm khác, nhất là Ấn Độ. Một nguyên nhân nữa khiến giá tăng là nhu cầu cao từ Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu Tết âm lịch.

Xuất khẩu cá thu Đại Tây Dương của Nga dự kiến sẽ giảm một nửa trong năm nay do nhu cầu tiêu dùng trong nước gia tăng, theo dữ liệu từ nhà nhập khẩu địa phương Ultrafish. Theo dự đoán của Ultrafish dựa trên dữ liệu từ Cục Hải quan Liên bang Nga, xuất khẩu cá thu Đại Tây Dương sẽ giảm khoảng 54% xuống 25.600 tấn trong năm 2015. Tỷ lệ tiêu thụ trong nước đã tăng lên đến gần 40% trong năm 2014 từ mức gần như bằng 0 trong năm trước đó do cá thu đánh bắt bởi các đội tàu của Nga được chuyển cho tiêu thụ nội địa. Trong năm 2015, thị trường Nga đã buộc phải mua nhiều cá thu nội địa hơn do cá thu Ai-xơ-len đắt tiền hơn sau khi nước này áp đặt lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm đối với một số nhà sản xuất phương tây chính, như Na Uy. Nhưng trong tháng Tám năm nay, Nga cũng bị trả đũa bằng lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm từ phía Ai-xơ-len, điều này tiếp tục làm hạn chế sự sẵn có của cá thu Đại Tây Dương ở thị trường trong nước. Cá thu Đại Tây Dương nguyên con do Nga đánh bắt cỡ 300-500g hiện đang được bán ở mức giá 91-96 RUB (1,28-1,35\$)/kg, tăng so với 62,5 RUB/ kg trong tháng 11/2014. Cá thu Đại Tây Dương nguyên con chủ yếu đến từ Faroes, nhưng cũng từ Greenland, dao động trong khoảng từ 125 RUB/kg đến 135 RUB/kg cỡ 400-600g. Cỡ 300-500g có giá từ 100 RUB/kg đến 105 RUB/kg.

Giá cá hồi trung bình trong quý IV/2015 sẽ ở mức cao nhất từ trước đến nay và dự báo sẽ vẫn mạnh trong năm mới. Theo Kolbjorn Giskeodegard, một nhà phân tích tại ngân hàng đầu tư Nordea của Na Uy, giá trung bình sẽ dừng ở mức trên 44 NOK mỗi kg, cao hơn 5,9 NOK (15%) so với cùng kỳ năm 2014 và cao hơn 3,8 NOK so với quý 3/2015. Mặc dù sản lượng thu hoạch cao, giá chạm 53 NOK/kg giao trong tuần này - một trong những mức giá hàng tuần cao nhất từng được ghi nhận - bù đắp cho những lo ngại về sự sụp đổ giá như đã diễn ra trong năm 2014 khi giá cá hồi giảm mạnh từ NOK 47/kg xuống 41 NOK/kg trong tuần 51. Nhưng điều này đã không xảy ra và sự chênh lệch giá so với cùng thời điểm tuần này năm ngoái có thể là 10-12 NOK/kg.

# THỦY SẢN



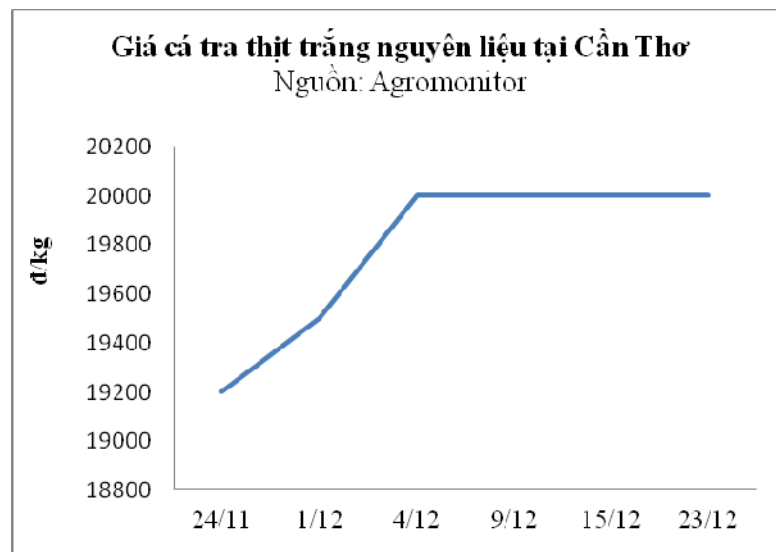
Tham khảo giá một số mặt hàng thủy sản tại thị trường New York - Mỹ, tuần đến ngày 18/12/2015, USD/pao (1 pao ~ 453 g); nguồn: *Aquafind.com*

<b>Cá nục heo Peru</b>					
<b>File, còn da</b>			<b>Cắt miếng</b>		
3 - 5 pao	3,55		4 oz	4,50	
<b>Bạch tuộc Tây Ban Nha</b>					
2 - 4 pao	3,00		6 -8 pao	4,00	
<b>Cá vược Chile</b>					
<b>File, còn da</b>			<b>Cắt miếng</b>		
4 - 6 kg	13,95 (+0,1)		6 oz	18,00	
8 - 10 kg	13,95		10 oz	18,25	
<b>Cá rô phi Trung Quốc (File)</b>					
3 - 5 pao	1,95 (-0,05)		7 - 9 pao	2,40 (-0,05)	
5 - 7 pao	2,10 (-0,05)		9 -11 pao	2,75	
<b>Vẹm New Zealand</b>					
Cỡ trung bình		2,80			
<b>Mực ống Trung Quốc</b>					
3-5 inch		1,55			
5-8 inch		2,40			
<b>Tôm vỏ bỏ đầu (HLSO) đông lạnh</b>					
<b>Xuất xứ</b>	<b>Kích cỡ</b>	<b>Giá</b>	<b>Xuất xứ</b>	<b>Kích cỡ</b>	<b>Giá</b>
Tôm sú Ấn Độ	16/20	6,00	Tôm thẻ chân trắng nuôi Ấn Độ	16/20	5,45
	21/25	5,05		21/25	4,60
	26/30	4,80		26/30	4,30
Tôm sú Việt Nam	U - 15	8,0	Tôm thẻ chân trắng nuôi Ecuador	41/50	3,80
	21/25	5,00		51/60	3,75
Tôm thẻ chân trắng nuôi Indonesia	16/20	5,50 (+0,25)	Tôm thẻ chân trắng nuôi Thái Lan	21/25	4,60
	21/25	4,55 (+0,05)		26/30	4,35
	26/30	4,30 (+0,05)		31/35	3,95
Tôm sú Indonesia	21/25	4,95	Tôm sú Thái Lan	21/25	4,95
	26/30	4,85		26/30	4,85

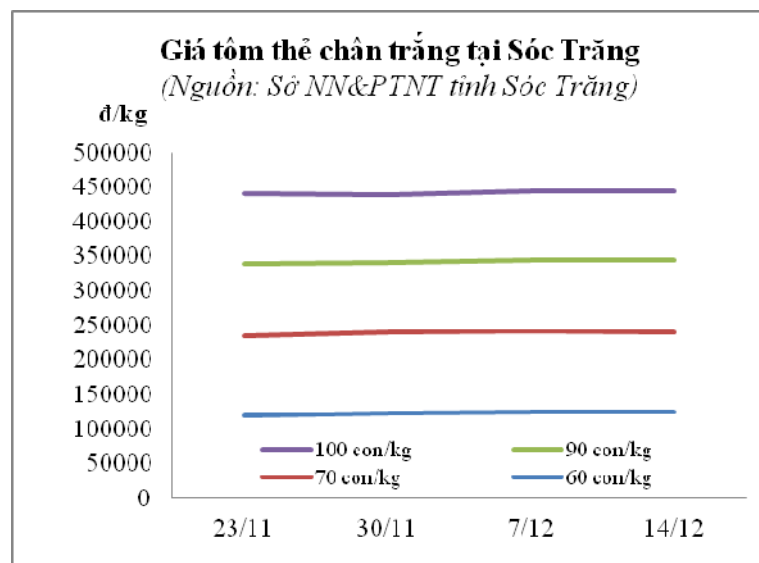
# THỦY SẢN



*Thị trường trong nước:* Tại các tỉnh ĐBSCL, thị trường cá tra nguyên liệu tuần này ổn định so với tuần trước. Cụ thể, tại Cần Thơ, giá thu mua cá tra nguyên liệu trong size 600-900 g/con tuần này giữ ở mức 19.800-20.000 đồng/kg (trả chậm); Tại Đồng Tháp giá cá trong size là 19.300-20.000 đồng/kg (trả chậm); tại An Giang là 17.500-19.000 đ/kg.



Tại Sóc Trăng, trong tuần qua giá tôm thẻ nguyên liệu tiếp tục đã tăng giá, trong khi giá tôm sú nguyên liệu ổn định ở mức thấp so với cuối tuần trước. Cụ thể, tôm thẻ loại 40 con/kg giá 150.000 đ/kg (+5.000 đ/kg), 60 con/kg giá ở mức 130.000 đ/kg (+5.000 đ/kg), loại 80 con/kg giá 117.000 đ/kg (+ 5.000 đ/kg), loại 100 con/kg giá không đổi ở mức 100.000 đ/kg. Giá tôm sú nguyên liệu các cỡ 20, 30 và 40 con/kg ổn định lần lượt ở mức 230.000 đ/kg, 150.000 đ/kg, 110.000 đ/kg.



# THỦY SẢN



Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) mới đưa ra 10 sự kiện nổi bật của ngành thủy sản năm 2015, trong đó nhận định: Mặc dù đã đón đầu trước những cơ hội và thách thức, nhưng thủy sản Việt Nam vẫn chưa kịp thích nghi và ứng phó với nhiều rào cản.

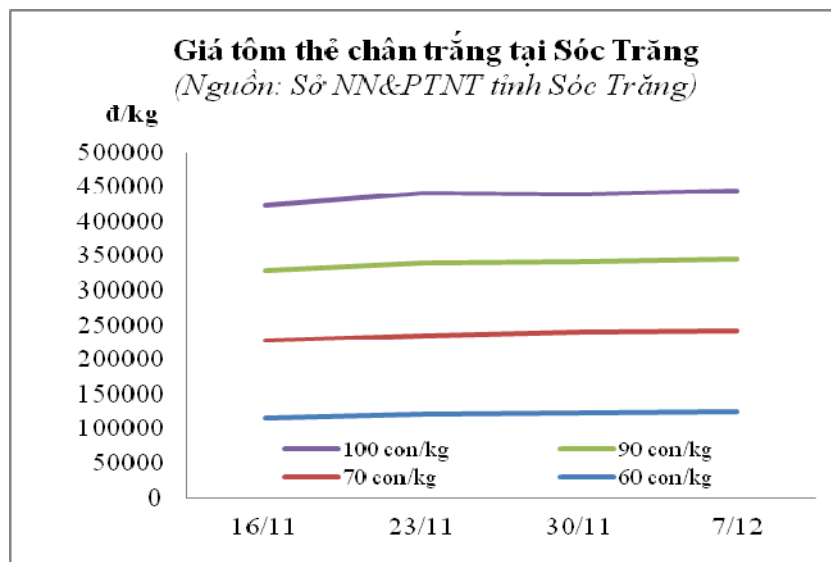
Do đó, tính đến nửa đầu tháng 11/2015, tổng giá trị xuất khẩu mới chỉ đạt 5,84 tỷ USD, giảm 16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, 3 sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực là tôm giảm 26,2%; cá tra giảm 10,3% và cá ngừ giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Khó khăn về thị trường, chi phí sản xuất trong nước cao khiến sản phẩm xuất khẩu thủy sản Việt Nam kém cạnh tranh và gặp rất nhiều khó khăn, nhất là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra.

Tuy nhiên, theo VASEP, trong năm 2015 ngoài việc tôm đông lạnh xuất khẩu của Việt Nam được Bộ Thương mại Mỹ (DOC) giảm thuế chống bán phá giá về mức trung bình 0,91%, vẫn còn có hàng loạt các vấn đề khác gây khó khăn cho công tác xuất khẩu thủy sản của các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là đối với việc xuất khẩu cá tra.

Bên cạnh đó, trong năm 2015, trong bối cảnh Trung Quốc đã phá giá đồng NDT, sự biến động của đồng USD, đồng Yen và Euro đều tác động tới hoạt động xuất khẩu của ngành thủy sản. Sự giảm giá nội tệ của một số nước đối thủ xuất khẩu khác cũng khiến cho nông sản và thủy sản Việt Nam khó cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Năm 2015, Việt Nam sẽ hoàn tất các thủ tục để tham gia Hiệp định Thương mại tự do với thị trường EU, Hàn Quốc, với Liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan (FTA) và Hiệp định Thương mại hợp tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), doanh nghiệp thủy sản Việt Nam sẽ phải đứng trước những thách thức, rào cản lớn hơn nữa bên cạnh sự hưởng lợi thế lợi nhất về việc ưu đãi thuế.

Mặt khác, việc EU và Mỹ tăng cường quản lý và giám sát thủy sản khai thác bằng danh sách các loài có nguy cơ sẽ được xây dựng dựa trên cơ chế truy xuất nguồn gốc tồn kém và phức tạp, điều sẽ gây khó khăn cho cả bên xuất khẩu cũng như nhà nhập khẩu Mỹ.

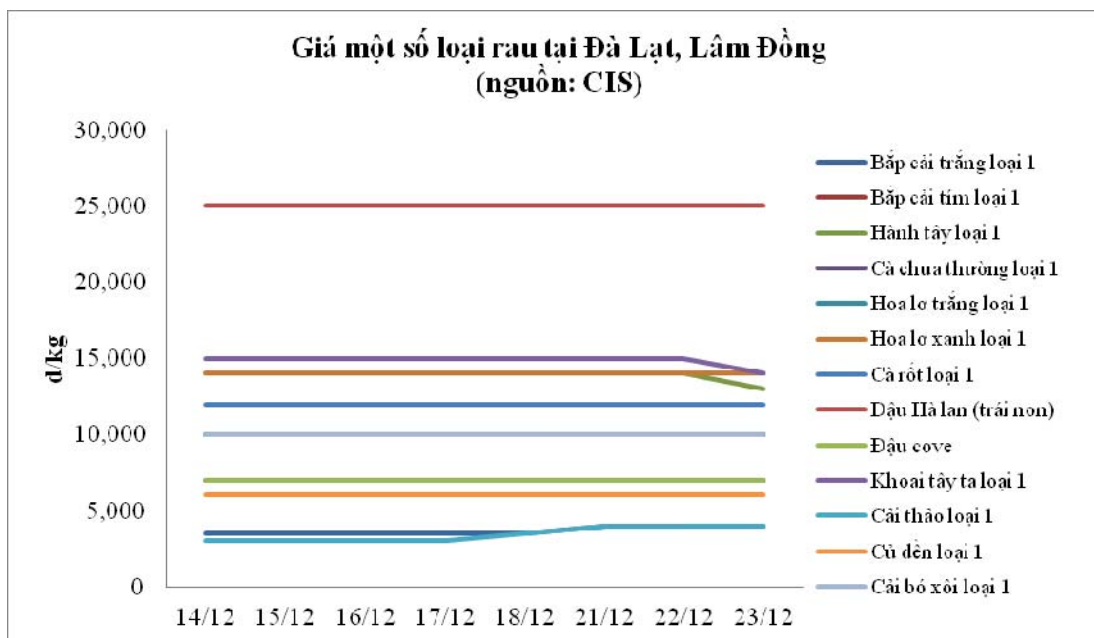


# RAU QUẢ



**Thị trường thế giới:** Sau khi quả xoài Việt Nam bắt đầu được phép xuất khẩu sang Nhật vào tháng 11 vừa qua, đến nay táo Nhật Bản cũng đã được phép xuất khẩu trở lại vào thị trường Việt Nam. Đây là một trong những thành quả của quan hệ hợp tác nông nghiệp Việt Nam - Nhật Bản đang rất phát triển trong những năm gần đây. Vừa qua, 1.150 thùng, tương đương khoảng 25 tấn táo Nhật Bản đã chính thức được xuất khẩu sang Việt Nam và bày bán tại các chuỗi siêu thị của Tập đoàn Aeon kể từ ngày 19/12. Được biết, Việt Nam và Nhật Bản vẫn đang tiếp tục đàm phán để có thể đưa được thêm nhiều loại nông sản của Việt Nam sang thị trường Nhật Bản và ngược lại

**Thị trường trong nước:** Tại tỉnh Đồng Nai, hiện dự kiến sản lượng xoài trái mùa đơn vị cung cấp cho thị trường Tết Nguyên đán Bình Thân 2016 chỉ đạt khoảng 500 tấn, bằng 1/3 sản lượng xoài cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân khiến sản lượng xoài giảm mạnh là do tình hình bất lợi của thời tiết, tỷ lệ hoa xoài đậu trái thấp, trái non cũng bị rụng nhiều... Đây cũng là tình hình chung của nhiều nông dân làm xoài nghịch vụ tại các huyện Định Quán, Vĩnh Cửu... Xoài làm nghịch vụ cung cấp cho thị trường tết chủ yếu là giống xoài 3 mùa mưa. Theo dự đoán, giá xoài tết sẽ tăng do sản lượng giảm mạnh.



Thị trường rau củ trong tuần qua tại Đà Lạt, Lâm Đồng diễn biến tương đối ổn định so với tuần trước. Đa phần các mặt hàng như bắp cải, su hào, xúp lơ, cà rốt vẫn duy trì ở mức giá của tuần trước do sản lượng khá ổn định với điều kiện thời tiết thuận lợi. Cụ thể, giá bắp cải trắng là 4000đ/kg, bắp cải tím là 10.000đ/kg và cà chua 7.000đ/kg.

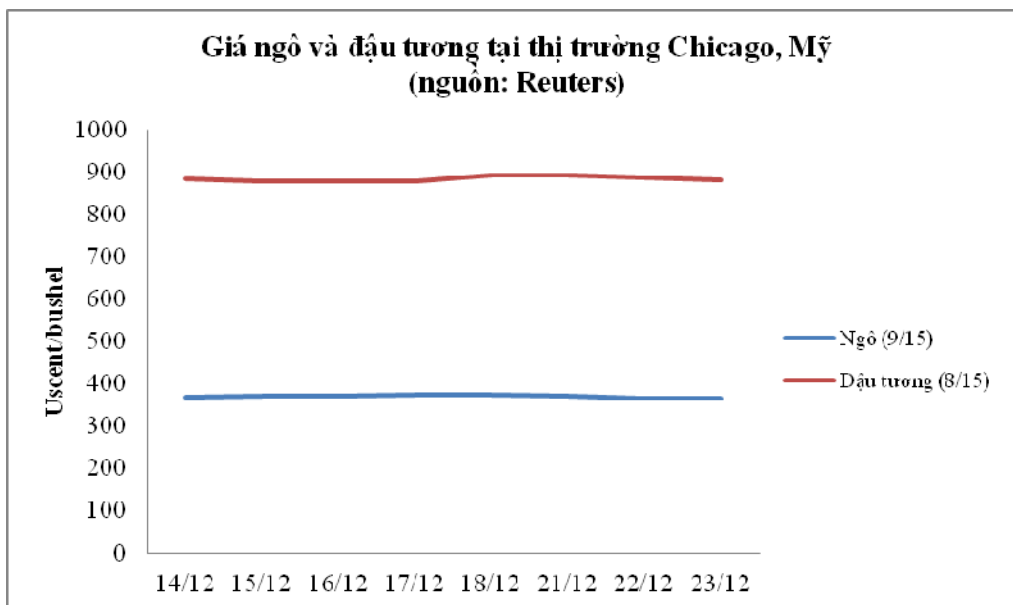
Theo số liệu thống kê, ước giá trị xuất khẩu mặt hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 12/2015 đạt 167 triệu USD, nâng tổng giá trị kim ngạch của mặt hàng này trong cả năm trên 1,8 tỷ USD, tăng 23,4% so với năm trước đó. Thị trường xuất khẩu chính bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Mỹ. Giá trị kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này ước tăng 19% với tổng giá trị là 621 triệu USD cả năm 2015.



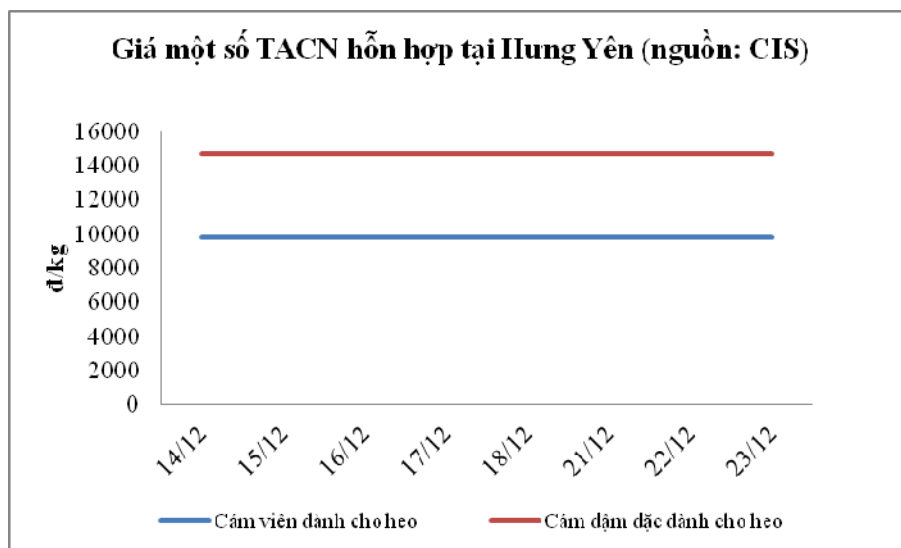
# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



*Thị trường thế giới:* Theo nguồn tin Reuters, tại thị trường Chicago, Mỹ tuần qua giá ngô bình quân tuần giảm 1% từ mức giá 372 Uscent/bushel xuống còn 367 Uscent/bushel so với tuần trước trong khi đó mức giá bình quân của mặt hàng đậu tương tuần này lại tăng 1 % từ mức giá 881 Uscent/bushel tuần trước xuống còn 886 UScent/bushel.



*Thị trường trong nước:* Tuần qua, giá thức ăn hỗn hợp trong nước vẫn duy trì ở mức ổn định so với tháng trước, mặc dù thị trường nguyên liệu thức ăn thế giới có xu hướng giảm mạnh. Cụ thể, tại Hưng Yên vẫn giữ vững ở mức giá của tuần trước. Giá cám viên và đậm đặc cho heo vẫn giữ ở mức tương ứng là 9.800đ/kg và 14.700 đ/kg. Với xu hướng giảm giá nguyên liệu nhập khẩu như hiện nay, giá thức ăn chăn nuôi trong thời gian tới dự báo sẽ giảm. Hơn nữa, số lượng doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi đang có xu hướng gia tăng, càng khiến cho thức ăn chăn nuôi trong thời gian tới sẽ có tính cạnh tranh cao.



# THỨC ĂN CHĂN NUÔI



Theo số liệu thống kê của Trung tâm Tin học và Thống kê, ước khối lượng đậu tương nhập khẩu trong tháng 12/2015 đạt 173 nghìn tấn với giá trị 71 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 12 tháng năm 2015 đạt 1,7 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 764 triệu USD, tăng 12,2% về khối lượng nhưng giảm 22,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014.

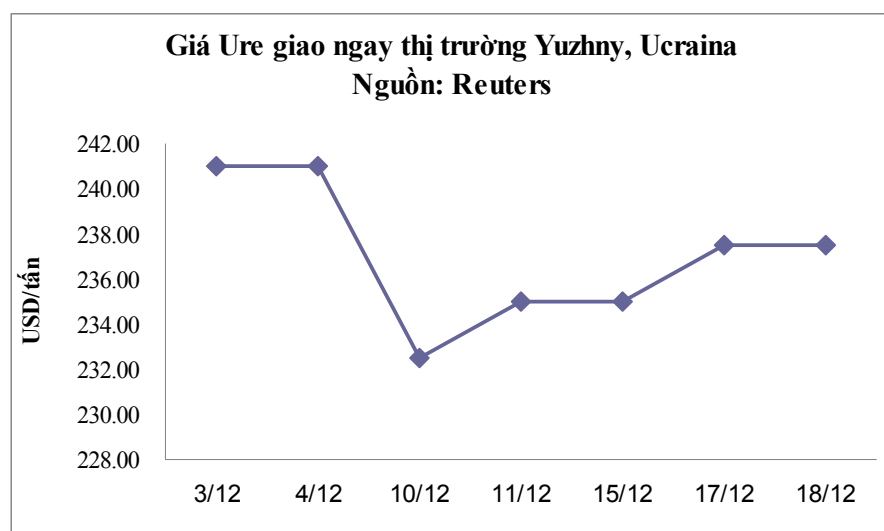
Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu trong tháng 12/2015 đạt 890 nghìn tấn với giá trị đạt 184 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu mặt hàng này trong 12 tháng năm 2015 đạt 7,6 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 1,6 tỷ USD, tăng 58,5% về khối lượng và tăng 34,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Braxin và Achentina là hai thị trường nhập khẩu chính của mặt hàng này, chiếm lần lượt là 60,7% và 35% tổng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này. Thị trường có giá trị tăng đột biến so với cùng kỳ là Achentina gấp hơn 6,5 lần về khối lượng và gần 6,6 lần về giá trị .

**CDH**

# PHÂN BÓN



*Thị trường thế giới:* Thị trường phân bón Mỹ tiếp tục xu hướng giảm trong tuần thứ 3 của tháng 12. Giá bán lẻ các mặt hàng phân bón đều giảm nhẹ so với tháng trước. Giá DAP hiện là 532 USD/tấn, giá Kali là 410 USD/tấn, Ure 392 USD/tấn. Đây là lần đầu tiên giá Ure giảm xuống dưới mức 400 USD/tấn kể từ tháng 9/2010. So với cùng kỳ năm trước, giá bán lẻ DAP hiện thấp hơn 6%, giá Kali và Ure đang thấp hơn 15%.



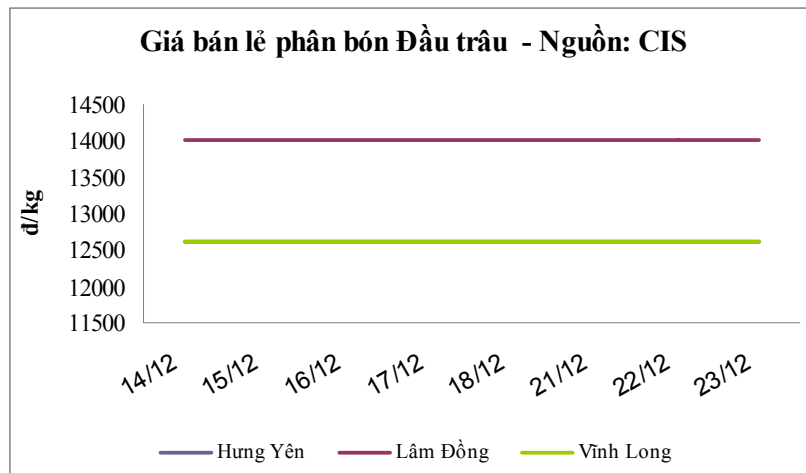
Chi phí phân bón tính trên mỗi mẫu đất trồng trọt của nông dân Mỹ trong tháng 12 hiện là 133 USD/mẫu, thấp hơn so với con số 145 USD/mẫu năm 2014. Mức chi phí này trong tháng 12 năm 2015 cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 12 năm 2009.

*Thị trường trong nước:* Thị trường phân bón trong nước thời gian qua nhìn chung diễn biến chậm. Giá các loại phân bón duy trì ở mức thấp. Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đạm Cà Mau giá từ 375.000 - 385.000 đồng/bao (50kg); đạm Phú Mỹ 410.000 - 420.000 đồng/bao; đạm Trung Quốc 370.000 - 375.000 đồng/bao; đạm Indonesia hạt đục giá 370.000 - 380.000 đồng/bao...

Tại chợ đầu mối Trần Xuân Soạn (TP. Hồ Chí Minh), giá phân bón ổn định. Giá các mặt hàng urê hiện đang giao dịch ở mức 7.400 - 7.800 đồng/kg. Tại Hải Phòng, ure Trung Quốc dao động từ 7.300đ-7.700 đồng/kg tùy loại, ure Phú Mỹ, Hà Bắc và Ninh Bình cũng dao động từ 7.600-7.700 đồng/kg; supe lân Lâm Thao 2.800 - 2.850 đồng/kg; lân Lào Cai: 2.800 - 2.830 đồng/kg.

Thị trường phân bón trong nước thời gian vừa qua chưa thực sự khởi sắc. Nguyên nhân chủ yếu do lượng hàng tiêu thụ ở mức thấp đồng thời lượng hàng tồn kho tại các địa bàn còn khá lớn.

# PHÂN BÓN



Theo Bộ Tài chính, hiện nay sản xuất phân bón DAP trong nước đang gặp nhiều khó khăn do lượng phân bón nhập khẩu từ Trung Quốc quá cao; giá nhập khẩu phân bón DAP các loại của Trung Quốc chỉ 9,3 - 9,8 triệu đồng/tấn, trong khi giá thành sản xuất của các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước như các Công ty cổ phần DAP của Tập đoàn hóa chất Việt Nam (VN) đã là 9,8 triệu đồng/tấn. 10 tháng đầu năm nay, lượng phân bón nhập từ Trung Quốc rất lớn, chiếm gần 90% tổng lượng nhập khẩu (725.000 tấn).

Bộ Tài chính cho rằng kiến nghị tăng thuế nhập khẩu phân bón DAP từ 3% hiện nay lên 6% của các doanh nghiệp VN là hợp lý và đã đưa ra dự thảo thông tư về việc này.

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 12 năm 2015 đạt 553 nghìn tấn với giá trị 163 triệu USD, đưa khối lượng nhập khẩu phân bón 12 tháng năm 2015 đạt 4,56 triệu tấn, giá trị nhập khẩu đạt 1,43 tỷ USD, tăng 20,2% về khối lượng và tăng 15% về giá trị so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khối lượng nhập khẩu phân đạm URE ước đạt 652 nghìn tấn với giá trị đạt 192 triệu USD, hơn 3 lần về khối lượng và tăng 2,97 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2014; phân SA ước đạt 1,05 triệu tấn với giá trị nhập khẩu đạt 148 triệu USD, tăng 13,1% về khối lượng và tăng 18,3% về giá trị so với năm 2014. Nguồn phân bón nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc, mặc dù thì phần thấp hơn năm 2014 nhưng vẫn chiếm tới 46,7% tổng giá trị nhập khẩu mặt hàng này. Các thị trường có giá trị tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2014 là Indonesia (tăng hơn 6 lần) tiếp theo là Malaysia (tăng gấp hơn lần) Lào (tăng 71,4%), Hàn Quốc (tăng 26,3%), Bỉ (tăng 30%). Các thị trường khác hầu như đều ghi nhận sự gia tăng ngoại trừ 2 thị trường là Nhật Bản và Canada.

**H.N.N**

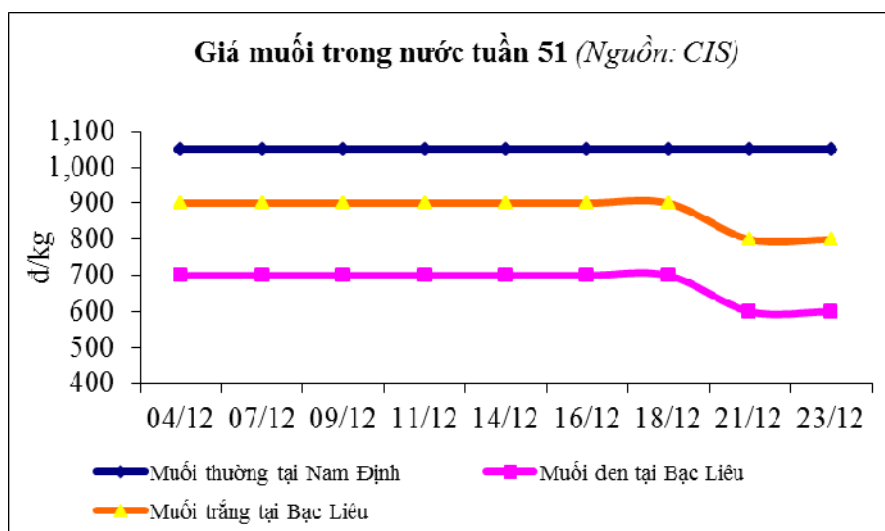
# MUỐI



Diêm dân tỉnh Bến Tre đang bước vào vụ thu hoạch muối. Tuy nhiên, chưa có năm nào giá muối rẻ thắm như năm nay, dù năng suất đạt hơn 60 tấn/ha nhưng sau khi trừ chi phí đầu tư coi như diêm dân trắng tay. Hiện giá muối tại huyện Bình Đại, một trong hai huyện sản xuất muối trọng điểm của tỉnh Bến Tre chỉ còn chưa đến 20.000 đồng/giạ, so với thời điểm đầu mùa muối là hơn 40.000 đồng/giạ. Nguyên nhân sản phẩm muối của làng nghề Thạnh Phước, huyện Bình Đại khó tiêu thụ không chỉ vì sức mua yếu, chất lượng muối sụt giảm do nắng quá gắt, kéo dài mà một phần do sản xuất thiếu liên kết nên không tìm được mối lớn để tiêu thụ ổn định, trong khi hạ tầng giao thông chưa được cải thiện làm chi phí vận chuyển giá đội lên. Tỉnh Bến Tre có gần 1.600 ha diện tích sản xuất muối, sản lượng ước đạt trên 80.000 tấn nhưng hiện địa phương còn tồn hơn 46.000 tấn muối không có thị trường tiêu thụ, trong số này phần lớn là của làng nghề muối Thạnh Phước.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá muối tại Bạc Liêu biến động giảm trong tuần qua, sau nhiều tuần đứng giá. Cụ thể: giá muối đen giảm từ 600 – 700 đ/kg xuống còn 500 – 600 đ/kg; muối trắng giảm từ 800 – 900 đ/kg xuống còn 700 – 800 đ/kg.

Giá bán buôn muối thường tại Nam Định tiếp tục giữ ở mức 1.050 đ/kg, không đổi kể từ tháng 9/2015 đến nay.







## NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG XUẤT KHẨU NĂM 2015

Năm 2015 được đánh giá là một năm nhiều khó khăn và thách thức đối với hoạt động xuất khẩu các mặt hàng nông sản do tác động từ một số yếu tố cơ bản như giá hàng hóa giảm, nguồn cung tăng trong khi nhu cầu giảm, biến động tỷ giá trên thị trường ngoại tệ, các rào cản từ các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, cụ thể là:

- *Thứ nhất*, do tác động khách quan từ diễn biến kinh tế thế giới theo chiều hướng khó lường sẽ tác động trực tiếp đến thị trường xuất khẩu chung của Việt Nam, trong đó có một số thị trường chủ lực như Nhật Bản, Trung Quốc, ...
- *Thứ hai*, nguồn cung các mặt hàng nông sản toàn cầu tăng, tồn kho cao ở nhiều nước khiến cạnh tranh gay gắt. Trong khi đó, sức tiêu thụ của các nước nhập khẩu vẫn còn yếu gây sức ép giảm giá. Đặc biệt đối với mặt hàng lương thực, các doanh nghiệp xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký kết các đơn hàng mới. Đơn cử như mặt hàng gạo, nhu cầu và sự tham gia thị trường nông sản của các quốc gia mới như My-an-ma, Cam-pu-chia trở thành những đối thủ cạnh tranh lớn hơn nhiều so với vài năm trước. Tương tự, mặt hàng thủy sản cũng chịu tác động mạnh từ nguồn cung thế giới cao, bên cạnh sự biến động của đồng ngoại tệ. Đồng USD tăng mạnh khiến các nước đổ xô xuất khẩu tôm sang Mỹ. Các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam về xuất khẩu tôm như Ấn Độ, In-đô-nê-xia, Ê-cua-đo, Trung Quốc ... phá giá đồng tiền mạnh đã có lợi thế xuất khẩu hơn vào Mỹ.

Đối với mặt hàng cà phê, Việt Nam vẫn là nước xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới, tuy nhiên thị phần trong năm 2015 đã giảm xuống, chỉ còn 18% so với 22% trong năm 2014. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là nhu cầu tiêu thụ cà phê thế giới giảm. Bên cạnh đó, việc các nước xuất khẩu cà phê lớn như Bra-xin, Cô-lôm-bia phá giá đồng tiền nên góp phần thúc đẩy xuất khẩu của nước này tăng mạnh. Hiện nay, Việt Nam đã bước vào niên vụ mới 2015/16, nhưng tình hình tiêu thụ và xuất khẩu cà phê vẫn trầm lắng. Thông tin về hạn hán kéo dài ở Bra-xin cũng không đủ sức kéo giá cà phê đi lên dù lượng cà phê tồn kho của nông dân và thương nhân Việt Nam đang ở mức cao và vụ thu hoạch mới bắt đầu.

Chịu tác động mạnh từ sự suy yếu của thị trường thế giới, không chỉ trong năm nay mà từ năm trước, cao su không còn là mặt hàng có tăng trưởng dương. Khối lượng xuất khẩu cao su luôn tăng nhưng kim ngạch thu về luôn đi xuống. Dư cung cao su thiên nhiên cao đã khiến giá cao su thế giới giảm mạnh.

- *Thứ ba*, do tình hình thời tiết không mấy thuận lợi cũng đã gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu nông sản năm 2015. El Nino đã tác động tiêu cực đến trồng trọt và sản xuất thủy sản. Đây là hai lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao trong tăng trưởng của ngành nông nghiệp.



- *Thứ tư*, giá xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực giảm mạnh như cà phê, gạo, cao su, thủy sản... Đối với mặt hàng gạo, mặc dù là nước xuất khẩu lớn nhất, nhì thế giới trong nhiều năm, nhưng giá gạo Việt Nam luôn ở mức thấp so với các quốc gia xuất khẩu gạo khác, thấp hơn 10 – 50 USD giá bình quân thế giới. Điều này khiến kim ngạch xuất khẩu gạo không đạt kỳ vọng. Đối với mặt hàng cà phê, do thói quen xuất khẩu cà phê thô nên dù có sản lượng lớn nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong nước cũng không làm chủ được sân chơi mà để cho các nhà đầu cơ khống chế giá xuất khẩu. Với mặt hàng cao su, giá liên tục giảm trong khoảng 3 năm nay, không ít doanh nghiệp lao đao khi tìm đầu ra mà giá xuất khẩu cao su cũng kém so với mặt bằng chung. Tương tự, xuất khẩu thủy sản cũng giảm mạnh. Giá các mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính như tôm, cá tra cũng không mấy khả quan nên giá trị xuất khẩu thủy sản 9 tháng đầu năm 2015 giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- *Thứ năm*, một vấn đề lớn tồn tại là các mặt hàng nông, lâm, thủy sản khi xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ, Úc, EU và nhiều thị trường khó tính khác thường xuyên gặp phải rào cản về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm. Tôm, cá tra và nhiều loại nông sản khác đã từng bị Hoa Kỳ, Nhật Bản cấm nhập do tồn dư kháng sinh cao, hóa chất cao, không đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

Dự báo, trong năm 2016, triển vọng xuất khẩu sẽ có thuận lợi và khó khăn xen kẽ. Nhiều dự báo cho rằng giá xuất khẩu nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản như gạo, cà phê, cao su, tôm... sẽ tiếp tục giảm hoặc hồi phục chậm trong nửa đầu năm 2016. Bên cạnh đó, đã phục hồi vẫn chưa đồng đều tại các thị trường xuất khẩu chủ lực, nhất là Trung Quốc. Khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp xuất khẩu không chỉ là câu chuyện về giá, mà quan trọng hơn là thiếu hụt nguồn nguyên liệu chất lượng cao. Hầu hết các thị trường khó tính, nhưng có sức tiêu thụ lớn Việt Nam đều đã thâm nhập được, điển hình là EU, Nhật Bản, Mỹ, do đó vấn đề hiện nay là làm sao để sản xuất và xuất khẩu hàng hóa chất lượng cao cần được quan tâm giải quyết.

**N.L.A**

*Tài liệu tham khảo:*

1. Thông tin thương mại Bộ Công Thương
2. [vinanet.com.vn](http://vinanet.com.vn)

## AN TOÀN THỰC PHẨM-TRÁCH NHIỆM CỦA TOÀN XÃ HỘI

Ngày 17/12, tại Hà Nội, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đã tổ chức diễn đàn “An toàn thực phẩm - trách nhiệm của toàn xã hội”, các nhà khoa học tham dự nhấn mạnh đến những vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm và quyền lợi người tiêu dùng.

### **\* 5 vấn đề tồn tại liên quan trực tiếp**

Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam Phạm Văn Tân cho rằng, hiện có 5 vấn đề liên quan trực tiếp đến an toàn thực phẩm là hệ thống pháp luật, quản lý nhà nước, thông tin tuyên truyền, nhận thức của người dân và vai trò của các tổ chức xã hội.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm phức tạp, chồng chéo và mâu thuẫn. Luật về an toàn thực phẩm ban hành năm 2010 nhưng các văn bản hướng dẫn chậm được ban hành. Việc quản lý an toàn thực phẩm được giao cho 3 bộ Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nên cũng tạo ra sự chồng chéo hoặc khoảng trống quyền lực. Thiếu sự phối hợp trong việc ban hành văn bản hướng dẫn Luật giữa các cơ quan quản lý nhà nước, văn bản của bộ nào do bộ đó xây dựng riêng. Việc thẩm định văn bản chỉ dừng lại ở trình tự pháp lý mà chưa tính hết đến những vấn đề về nội dung chuyên ngành, liên ngành. Các cơ quan này thường tập trung quan tâm tới các cơ sở lớn mà ít quan tâm đến các cơ sở nhỏ nhưng lại là nơi tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm nhất. Một bộ phận cán bộ thi hành công vụ yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ kém. Các quy định pháp luật chưa có quy định trách nhiệm của người thi hành công vụ trong vấn đề an toàn thực phẩm thực thi sai hoặc bỏ trống trận địa.

Công tác kiểm soát các phòng kiểm nghiệm thiếu chặt chẽ, cùng một mẫu sản phẩm có thể cho kết quả rất khác nhau ở các phòng kiểm nghiệm khác nhau, còn có tình trạng độc quyền kiểm nghiệm. Các cơ quan quản lý chưa có chính sách và tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp có các sản phẩm an toàn thực phẩm. Công tác quảng cáo, tiếp thị sản phẩm bị buông lỏng. Vai trò và quyền lợi của người tiêu dùng không được quan tâm. Tình trạng chồng chéo về quản lý do Luật an toàn thực phẩm quy định cần được xem xét sửa đổi.

Bác sĩ Đỗ Thị Vân, Giám đốc Trung tâm thông tin các tổ chức phi chính phủ nhấn mạnh: Hiện tượng bơm nước cho bò, heo, bơm Agar vào tôm, dùng bột vàng ô trộn vào thức ăn cho gà chỉ ở Việt Nam mới có. Đây là tội ác làm hại sức khỏe nhưng chưa có văn bản nào quy định xử lý hình sự cho các hành vi này.

Đến nay vẫn chưa có chính sách và tiêu chí đánh giá và công nhận các sản phẩm có chất lượng và an toàn; khâu quảng cáo và tiếp thị không được kiểm soát. Chưa có văn bản nào quy định rõ trách nhiệm của cơ quan công quyền khi có vấn đề an toàn thực phẩm xảy ra. Thông tin về an toàn thực phẩm đến người tiêu dùng còn hạn chế, chủ yếu là các nguồn từ báo, đài. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa hoàn thiện, còn nhiều tiêu chuẩn chưa hài hòa với quy định quốc tế, tiến độ chuyển đổi tiêu chuẩn thành quy chuẩn kỹ thuật chậm. Do việc phân công dàn trải và thiếu tập trung gây khó khăn cho việc đầu tư khoa học công nghệ và chuyên môn hóa về quản lý an toàn thực phẩm.



Về mặt truyền thông, trên các phương tiện thông tin đại chúng nặng nhiều về các chương trình giải trí và quảng cáo mà có rất ít chương trình đưa lại những thông tin bổ ích, thiết thực cho khán giả, độc giả. Một bộ phận trong giới truyền thông thiếu trang bị kiến thức cơ bản và thực tiễn về an toàn thực phẩm. Vai trò của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp chưa được coi trọng và chưa được huy động tham gia vào công tác an toàn thực phẩm.

### **\* Vì quyền lợi người tiêu dùng**

Khẩu hiệu “Hãy là người tiêu dùng thông minh” nhưng người tiêu dùng không biết sẽ thực hiện bằng cách nào? Nhiều nhà khoa học cho rằng thực tế phát hiện các vụ việc vi phạm an toàn thực phẩm đều từ người dân. Vậy người dân cần phải tích cực phát hiện, giám sát việc xử lý các hành vi vi phạm. Các tổ chức xã hội, nghề nghiệp đóng góp cho sửa đổi Luật An toàn vệ sinh thực phẩm bởi sau 5 năm thực thi Luật, hoạt động kiểm soát an toàn thực phẩm của Việt Nam chưa đạt như mong muốn nếu không muốn nói là kém hiệu quả hơn trước.

Ông Nguyễn Tử Chương, Hội Nghề cá Việt Nam cho rằng cần tổ chức biên soạn giáo trình cơ bản về an toàn thực phẩm in và phổ cập cho toàn xã hội, cũng như giáo trình đào tạo về an toàn thực phẩm để đào tạo cho các đối tượng lãnh đạo cơ quan, cán bộ tác nghiệp an toàn thực phẩm, cơ sở sản xuất quy mô công nghiệp, cơ sở thu mua, vận chuyển, hộ kinh doanh cá lẻ.

Để bảo vệ người tiêu dùng, theo Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam Nguyễn Mạnh Hùng, Nhà nước cần có những giải pháp đồng bộ. Hoạt động sản xuất, kinh doanh nên chững đẩy mạnh việc xây dựng và áp dụng rộng rãi mô hình khép kín theo chuỗi thực phẩm an toàn, từ sản xuất, chế biến đến cung ứng sản phẩm nhằm giám sát, quản lý chất lượng thực phẩm “từ trang trại đến bàn ăn” để dễ dàng truy xuất nguồn gốc và xử lý sự cố, tạo niềm tin cho người tiêu dùng.

Bác sĩ Đỗ Thị Vân khẳng định đã đến lúc chấm dứt tình trạng cả 3 Bộ cùng quản lý an toàn thực phẩm. Chính phủ cần thống nhất quản lý, một đầu mối chủ trì điều hành và chịu trách nhiệm trước Chính phủ. Cơ quan đầu mối này chịu trách nhiệm điều phối giữa các bộ liên quan. Các quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm phải khác với các quy định thông thường theo hướng nghiêm khắc, tăng nặng mức tiền phạt gấp vài trăm lần giá trị thực phẩm, tái vi phạm lần 2 phải đóng cửa tạm thời, tái vi phạm lần 3 sẽ đóng cửa mới đủ sức răn đe, khắc phục tình trạng vi phạm hiện nay. Luật cũng cần được bổ sung thêm tội danh hình sự về các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm. Giải pháp quan trọng là huy động sự tham gia của toàn xã hội, trong đó tăng cường vai trò của người dân và tổ chức xã hội trong công tác giám sát, phát hiện vi phạm an toàn thực phẩm; xây dựng mô hình về an toàn thực phẩm; phản biện chính sách về an toàn thực phẩm; hợp tác với các tổ chức quốc tế nhằm học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm về an toàn thực phẩm.

Ông Trần Hữu Thăng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Tổng hội Y học Việt Nam cho rằng an toàn thực phẩm là trách nhiệm của toàn xã hội, phải có những giải pháp thiết thực, nhưng trước hết tự mình phải cứu lấy mình vì sức khỏe là trên hết. Để đạt được ý thức này công tác truyền thông rất quan trọng, cần được đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, từ đó người dân tự tẩy chay những sản phẩm độc hại.../.

*(Theo Thông tấn xã Việt Nam)*

### BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN

Để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng của điều kiện bất thuận, bảo đảm thắng lợi sản xuất vụ Đông Xuân 2015 – 2016, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Đức Phát đã yêu cầu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung cao độ, chỉ đạo quyết liệt sản xuất vụ Đông Xuân.

Theo đó, các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc cần tuyên truyền, vận động nông dân sử dụng các giống lúa lai, lúa thuần, lúa Japonica ngắn ngày, năng suất, chất lượng và thời gian sinh trưởng dưới 135 ngày; hạn chế tối đa gieo cấy các giống lúa dài ngày; bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp để lúa trổ từ 1-20/5, trổ tập trung từ 5-15/5.

Thời điểm gieo mạ tập trung quanh tiết lập xuân, cấy trong tháng 2 với phương thức gieo mạ nền cứng, mạ khay hoặc mạ dực dày xúc. Đối với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng nên chỉ đạo gieo cấy sau tiết lập xuân. Đồng thời, diện tích lúa gieo thẳng trên đất vằn và vằn cao cần mở rộng tối đa diện tích; chủ động tưới tiêu, thời vụ gieo từ 10-20/2/2016 (sau Tết âm lịch).

Cùng đó, diện tích rau trên đất chuyên màu đã thu hoạch cần khẩn trương làm đất, tiếp tục gieo trồng rau các loại ngay trên diện tích mới thu càng sớm càng tốt nhằm đảm bảo nguồn cung cấp cho thị trường, nhất là dịp trước và sau Tết Nguyên đán. Việc chuyển đổi đất trồng lúa khó tưới, đất lúa kém hiệu quả sang trồng các cây rau màu hiệu quả kinh tế cao cũng cần được đẩy mạnh; đặc biệt là các loại rau củ quả có khả năng tiêu thụ và bảo quản dài, có hợp đồng sản xuất, chế biến và bao tiêu.

Đối với các tỉnh miền Trung và Tây nguyên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu xây dựng kế hoạch cụ thể ứng phó với điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn nhằm giảm tối đa thiệt hại sản xuất; kiểm tra cụ thể nguồn nước tưới; xác định vùng nguy cơ bị hạn hán... để bố trí chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý.

Tại khu vực này, lịch thời vụ gieo sạ cần bố trí gọn, tập trung, cụ thể từng vùng, từng cánh đồng, theo khu vực kênh tưới để thuận lợi điều tiết nước làm đất, áp dụng tưới tiết kiệm; sử dụng các giống ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng tốt, tính chống chịu khá.

Khu vực các tỉnh Nam bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu đẩy sớm lịch xuống giống, tăng thêm diện tích xuống giống trong tháng 12 so với cùng kỳ hàng năm, hạn chế tối đa việc xuống giống trong tháng 1/2016 để hạn chế ảnh hưởng của mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tại các vùng không chủ động được nước tưới cần chuyển đổi trồng lúa sang trồng cây rau màu có hiệu quả kinh tế cao hơn.



Mặt khác, cần theo dõi chặt chẽ tình hình xâm mặn trong và ngoài hệ thống công; vận hành ngăn mặn, trữ ngọt, đảm bảo phân phối nước hợp lý, hiệu quả. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng chỉ đạo áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất, sử dụng giống xác nhận, giống có chất lượng cao, giảm lượng gieo sạ xuống 80 kg – 100 kg giống/ha.

Theo báo cáo của các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện các tỉnh phía Bắc đang tích cực chuẩn bị cho gieo cấy vụ Đông Xuân 2015 – 2016; các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ đang xuống giống lúa Đông Xuân sớm; các tỉnh Tây Nguyên đã cơ bản thu hoạch xong lúa Mùa, đang chuẩn bị gieo sạ lúa Đông Xuân; các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã thu hoạch lúa Thu Đông khoảng 760.000/870.000 ha, lúa vụ Đông Xuân đã xuống giống được 1,3 triệu ha/1,57 triệu ha.

Dự báo của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cho thấy, hiện tượng El-Nino tiếp tục kéo dài đến hết tháng 4/2016 và là đợt El-Nino có cường độ mạnh tương đương năm 1997 – 1998; nền nhiệt độ trên cả nước có khả năng cao hơn trung bình từ 0,5 – 1,5 độ C. Các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên tổng lượng mưa thiếu hụt so với trung bình nhiều năm; đặc biệt vùng Nam Trung bộ hạn hán, thiếu nước cho gieo cấy tiếp tục diễn biến phức tạp và gay gắt; hiện tượng xâm nhập mặn sớm ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long sẽ ảnh hưởng tới kế hoạch gieo cấy, thời vụ và cơ cấu giống, sinh trưởng và phát triển của cây trồng vụ Đông Xuân 2015 – 2016./.

*(Theo Thông tấn xã Việt Nam)*

### RAU AN TOÀN: LẤY LẠI NIỀM TIN NGƯỜI TIÊU DÙNG

Hiện nay, sử dụng thực phẩm sạch là một nhu cầu bức thiết và là tất yếu của cuộc sống, nhưng người tiêu dùng vẫn không mấy tin tưởng vào chất lượng rau an toàn. Mặc dù, hàng năm Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội vẫn lấy hàng trăm mẫu rau để phân tích, kết quả phần lớn đều trong ngưỡng an toàn cho phép. Vậy tại sao, người tiêu dùng lại chưa tin tưởng vào rau an toàn, rau hữu cơ được bày bán trên thị trường, trong các siêu thị, hệ thống bán hàng... Đó chính là rào cản lớn nhất để rau an toàn, rau hữu cơ của Hà Nội phát triển bền vững và lấy được niềm tin nơi người tiêu dùng.

#### **\* Lợi nhuận cao hơn**

Hiện nay, sản lượng rau xanh của Hà Nội chỉ đáp ứng 60%; trong đó, rau an toàn (RAT) đáp ứng được trên 40%, lượng rau còn lại được cung cấp từ các địa phương khác như Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương... Chính vì vậy, cùng với việc thanh kiểm tra, lấy mẫu kiểm soát chất lượng tại các cơ sở sản xuất, sơ chế, kinh doanh RAT, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội đặc biệt coi trọng việc lấy mẫu, kiểm tra chất lượng rau tại các chợ đầu mối như Vân Nội, Minh Khai, Đền Lừ, Long Biên...

Ông Nguyễn Duy Hồng, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội cho biết, nhờ làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người sản xuất và người tiêu dùng các quy định về an toàn thực phẩm, cũng như quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, các tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm nên kết quả sản xuất RAT cho thu nhập cao hơn so với rau sản xuất thông thường từ 10- 20%. Tỷ lệ sử dụng thuốc thảo mộc, sinh học tăng lên khoảng 60%, giảm 30% số lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Vì vậy, chi phí cho sử dụng thuốc bảo vệ thực vật giảm 50%, người sản xuất tuân thủ kỹ thuật, bảo quản sau thu hoạch, thời gian cách ly sau khi thu hái sản phẩm... Năm 2014, lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên các cây trồng (trong đó có rau) là 360 tấn, chỉ bằng 0,3% so với toàn quốc là 116.582 tấn.

Hàng năm, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội đều lấy mẫu phân tích cho thấy: Tỷ lệ mẫu rau phân tích vượt dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tối đa cho phép thấp (phân tích từ 300-1.000 mẫu rau, chỉ có khoảng 1% mẫu vượt ngưỡng). Trong khi đó, năng suất rau tăng đều hàng năm lên 18%, đáp ứng 40% nhu cầu tiêu dùng, giá trị sản xuất đạt 300-500 triệu đồng/ha/năm. Riêng tại các vùng trồng rau trái vụ tăng thêm 3-5 vụ/năm (rau cải 5 vụ, su hào 3 vụ), giá trị sản xuất đạt 1 tỷ đồng/ha/năm, thậm chí có nơi diện tích đạt 2 tỷ đồng/ha/năm như Yên Viên, tổng giá trị sản xuất đạt trên 1.200 tỷ đồng/năm tương đương 30.000 ha lúa/vụ.

Chị Hoàng Thị Hậu, Chủ tịch Hội Nông dân xã Thanh Xuân (huyện Sóc Sơn, Hà Nội) cho biết, địa phương có 25 ha rau hữu cơ. Việc trồng rau hữu cơ thu nhập ổn định, người nông dân giảm chi phí thuốc bảo vệ so với trồng rau truyền thống. Tuy nhiên, Sở Nông nghiệp Nông thôn Hà Nội chưa có bộ tiêu chuẩn trong sản xuất rau hữu cơ nên việc kết nối tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn. Mặt khác, rau hữu cơ cũng dễ bị các cơ sở trồng rau khác trà trộn, ảnh hưởng đến chất lượng rau hữu cơ.

### **\* Lấy lại niềm tin người tiêu dùng**

Để bảo vệ quyền lợi của người sản xuất cũng như doanh nghiệp tham gia vào chuỗi liên kết rau an toàn, hữu cơ, Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội đã hướng dẫn và giúp người sản xuất quản lý, ghi chép nhật ký sản xuất để người tiêu dùng khi cần có thể truy xuất được nguồn gốc và người sản xuất khi cần có hồ sơ để chứng minh.

Bà Từ Thị Tuyết Nhung, Trưởng ban Điều phối Hệ thống đảm bảo có sự tham gia của cộng đồng tại Việt Nam (PGS) cho biết, Ban điều phối PGS đang quản lý 22 liên nhóm sản xuất rau hữu cơ trên toàn quốc nên không đủ thời gian và nhân lực để quản lý các đơn vị từ sáng đến tối được. Tuy nhiên, nhờ hệ thống giám sát chéo trong chính cộng đồng (PGS) mà rất nhiều nhóm hoặc hộ dân tham gia nhóm cũng như doanh nghiệp làm ăn gian dối, không đúng theo tiêu chí của Ban điều phối đã bị chính các thành viên phát giác báo cho ban lãnh đạo có hình thức kiểm tra và xử lý kịp thời.

Ngoài ra, PGS Việt Nam khi chọn đối tác luôn yêu cầu các doanh nghiệp phải là cầu nối đưa người tiêu dùng đến các vùng sản xuất rau hữu cơ thăm và kiểm tra để xem người sản xuất vất vả như thế nào, để từ đó tăng dần lòng tin của các bà nội trợ. Đại diện một số doanh nghiệp mới tham gia ký kết chương trình phối hợp với Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội chia sẻ, bản thân các doanh nghiệp trước đây khi ký kết sản xuất và tiêu thụ RAT với người nông dân hay các HTX cũng rất lo lắng, bởi cũng chỉ biết đặt niềm tin vào bà con là chính. Đến nay có sự tham gia của bên thứ 3 là Chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội nên các doanh nghiệp cảm thấy yên tâm hơn rất nhiều. Bản thân người tiêu dùng khi nhìn vào mô hình đó họ cũng có thêm niềm tin vào RAT hơn bởi họ có thể kiểm tra, giám sát độc lập bất cứ khi nào.

Ông Đào Duy Tâm, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội cho biết, để rau hữu cơ, RAT của Hà Nội phát triển bền vững và có uy tín trong lòng người tiêu dùng, trước hết "người dân phải chịu trách nhiệm về sản phẩm rau an toàn, rau hữu cơ do mình sản xuất ra". Bên cạnh đó, người nông dân cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sản xuất rau hữu cơ, RAT. Không vì lợi nhuận, lợi ích trước mắt mà bỏ qua các quy định về chất lượng.

Các chuyên gia nông nghiệp cho rằng Hà Nội muốn mở rộng và phát triển được các vùng rau an toàn cần làm tốt từ khâu sản xuất rau cho đến đưa ra thị trường, đảm bảo chất lượng, giá thành hợp lý. Có như vậy, người nông dân mới yên tâm tham gia trồng rau an toàn cũng như lấy được lòng tin của người tiêu dùng Thủ đô./.

*(Theo Thông tấn xã Việt Nam)*

### EU LÀ THỊ TRƯỜNG THỨ TƯ CỦA GỠ VÀ SẢN PHẨM GỠ VIỆT NAM

Nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ của các nước EU hiện đạt khoảng 1/4 nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ toàn cầu. Đây cũng là thị trường trọng điểm trong xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ EU là thị trường quan trọng thứ 4 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc).

Đó là đánh giá của ông Nguyễn Tôn Quyền, Phó Chủ tịch Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam tại hội thảo “Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam – EU: Thực trạng và xu hướng” do Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) và Tổ chức Forest Trends phối hợp tổ chức ngày 18/12, tại Hà Nội.

Chỉ tính riêng về các đồ gỗ (HS 94), EU là thị trường quan trọng thứ 2 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ). Bốn mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam bao gồm đồ gỗ ngoài trời, ghế gỗ, đồ nội thất phòng ngủ và đồ nội thất văn phòng. Trong khối EU các quốc gia quan trọng nhất đối với thương mại gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam bao gồm Anh, Đức, Pháp. Kim ngạch từ 3 thị trường này chiếm 2/3 trong tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ khối EU.

EU không chỉ quan trọng đối với Việt Nam về thị trường tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ mà còn là một trong những nguồn cung gỗ nguyên liệu. Năm 2014, kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU của Việt Nam đạt gần 172 triệu USD, chiếm 1/4 so với tổng kim ngạch gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU.

Trong khuôn khổ của Chương trình thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (FLEGT), Chính phủ Việt Nam hiện đang đàm phán với EU về Hiệp định Đối tác tự nguyện (VPA). Trong tương lai khi Hiệp định được ký kết Chính phủ Việt Nam sẽ đưa ra những cơ chế chính sách chặt chẽ hơn nhằm đảm bảo các sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam vào EU là hợp pháp.

Theo ông Tô Xuân Phúc, Tổ chức Forest Trends, hội nhập sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa. Hội nhập cũng sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam thu hút các dòng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến gỗ, đẩy mạnh sức cạnh tranh và phát huy được lợi thế về lao động và nguồn nguyên liệu hiện nay của Việt Nam. Tuy nhiên hội nhập cũng đồng nghĩa với những khó khăn và rủi ro mà các doanh nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam phải đối mặt. Đó là tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu.

"Mặc dù rủi ro trong thương mại gỗ giữa Việt Nam – EU hiện tồn tại ở mức thấp, nhưng đây là vấn đề sống còn của cả ngành chế biến và xuất khẩu gỗ trong việc duy trì hình ảnh của ngành trên trường quốc tế", ông Tô Xuân Phúc chỉ ra.

Ông Tô Xuân Phúc cho rằng, Chính phủ và các hiệp hội gỗ có vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu rủi ro, cũng như yêu cầu doanh nghiệp loại bỏ nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào không rõ nguồn gốc. Chính phủ và hiệp hội cần khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường tính minh bạch của sản phẩm xuất khẩu thông qua việc khai báo nguồn gốc và tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu.

Trong bối cảnh hội nhập, giảm thiểu các rủi ro không những giúp cho ngành gỗ duy trì thị trường EU như hiện nay mà còn giúp mở rộng thị trường, trực tiếp góp phần vào phát triển bền vững ngành gỗ trong tương lai.

Trong 8 tháng 2015, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang EU đạt 442 triệu USD. Việt Nam cũng nhập khẩu khoảng 111 triệu USD gỗ nguyên liệu từ thị trường này.

*(Theo Thông tấn xã Việt Nam)*

**BẢNG GIÁ NÔNG SẢN TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, THẾ GIỚI**

<b>CÀ PHÊ</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>14/12</b>	<b>15/12</b>	<b>16/12</b>	<b>17/12</b>	<b>18/12</b>	<b>21/12</b>	<b>22/12</b>	<b>23/12</b>
<b>Trong nước</b>										
Cà phê nhân xô vối	Đắc Lắc- TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	33700	33200	33300	33400	33300	33400	33300	33600
Cà phê nhân xô vối	Đà Lạt - Lâm Đồng	đ/kg	33200	32700	32700	32900	32700	33000	33000	33200
<b>Thế giới</b>										
Cà phê Robusta (1/16)	London - Anh	USD /tấn	1535	1531	1526	1482	1487	1482	1491	1493

<b>CAO SU</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>14/12</b>	<b>15/12</b>	<b>16/12</b>	<b>17/12</b>	<b>18/12</b>	<b>21/12</b>	<b>22/12</b>	<b>23/12</b>
<b>Trong nước</b>										
Mủ cao su dạng nước (32 độ/kg)	Bình Phước- Phước Long	đ/kg	5760		5760		5760	6400		5760
<b>Thế giới</b>										
cao su RSS3 (12/15)	TOCOM- Nhật Bản	Yên/kg	164.3	161.4	163.7	151.8	147	148.5		
RSS3 C1 BKK (Giao ngay)	Bangkok - Thái Lan	TLB /kg		46.8	47.3	46.55	46.3	46.3	46.8	46.5
SIR20 BELAWAN NN (1/16)	Indonesia	Uscent /kg		132		128.5	128.5	128.5		128

<b>ĐƯỜNG</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>14/12</b>	<b>15/12</b>	<b>16/12</b>	<b>17/12</b>	<b>18/12</b>	<b>21/12</b>	<b>22/12</b>	<b>23/12</b>
Đường trắng (3/16)	London - Anh	USD /tấn	412.4	406.1	408.9	406.2	413.7	411	411.6	413.8

<b>GỖ</b>										
<b>MẶT HÀNG</b>	<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>NGÀY</b>							
			<b>14/12</b>	<b>15/12</b>	<b>16/12</b>	<b>17/12</b>	<b>18/12</b>	<b>21/12</b>	<b>22/12</b>	<b>23/12</b>
Gỗ xẻ (1/16)	Chicago - Mỹ	USD /tbf	262.1	267.4	264.8	260	267.4	269.5	268.6	267.6



CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
<b>Trong nước</b>										
Gà trống ta hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000	90000
Gà Công nghiệp hơi	Hà Nội - Thường Tín - Chợ Hà Vĩ	đ/kg	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000	28000
Gà trống ta hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000	100000
Lợn hơi	Vĩnh Long - Chợ Vũng Liêm	đ/kg	41000		41000		41000	41000		41000
Lợn hơi	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	38000	38000	38000	38000	38000	38000	38000	38000
<b>Thế giới</b>										
Lợn hơi (2/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /lb	55.475	55.325	56.75	55.775	56.625	56.45	56.85	57.775

PHÂN BÓN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
<b>Trong nước</b>										
Phân Đầu trâu L1	Hưng Yên - Yên Mỹ - Trung Hưng	đ/kg	12600		12600		12600	12600		12600
NPK cò pháp (20-20-15)	Lâm Đồng - Đà Lạt	đ/kg	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000	14000
NPK 20-20-15	Vĩnh Long - Bình Minh	đ/bao 50kg	630000		630000		630000	630000		630000
<b>Thế giới</b>										
Urea Yuzhny (Giao ngay)	Nga	USD /tấn				237.5	237.5			

CHÈ										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
Chè xanh búp khô	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	130000		130000	130000	130000	130000	130000	
Chè cành chất lượng cao	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	200000		200000	200000	200000	200000	200000	
Chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1)	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	150000		150000	150000	150000	150000	150000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 1	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	13000		13000	13000	13000	13000	13000	
Chè búp tươi sản xuất chè xanh loại 2	TP Thái Nguyên - chợ khe mo, Đồng Hỷ	đ/kg	8000		8000	8000	8000	8000	8000	
Sản xuất chè xanh (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000	9000
Sản xuất chè đen (giá loại 1)	Lâm Đồng - Bảo Lộc	đ/kg	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500	4500
<b>Thế giới</b>										
Chè Kenya (giao ngay)	Kenya	USD /kg			3.68					

THỨC ĂN CHĂN NUÔI										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
<b>Trong nước</b>										
Cám viên heo từ 40 - 70 kg mã số 1041H	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	9800		9800		9800	9800		9800
Cám đậm đặc loại từ 10 kg - Xuất chuồng mã số 9020HS	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	14700		14700		14700	14700		14700
<b>Thế giới</b>										
Ngô (03/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	368.5	370	371.75	374.25	374.5	372	366.25	365.5
Đậu tương (1/16)	Chicago - Mỹ	Uscent /Bushel	882.25	876.75	876.75	877	892.25	891.25	885.25	881.75

THỦY SẢN										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
Tôm sú nuôi 40-45 con/kg	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	250000		250000		250000	250000		250000
Tôm sú nuôi 30-35 con/kg	Hung Yên-Yên Mỹ	đ/kg	300000		300000		300000	300000		300000
Cá tra thịt trắng	Vĩnh Long	đ/kg	20000		20000		20000	20000		20000
Tôm càng xanh	Vĩnh Long	đ/kg	430000		430000		430000	430000		430000
Cá tra	An Giang	đ/kg	20000	19500	19500	19500	19500	19500	19500	19500
Tôm càng xanh	An Giang	đ/kg	250000	250000	250000	250000	250000	250000	240000	240000

LÚA, GẠO										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
Lúa đông xuân sớm IR50404-lúa ướt	Vĩnh Long	đ/kg	5100		5100		5100	5100		5100
Lúa CLC IR 50404 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4950	4950	5000	5000	5000	5000	4950	4950
Lúa CLC OM 2514 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	5000	5000	5050	5050	5050	5050	5000	5000
Lúa CLC OM 1490 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	4950	4950	5000	5000	5000	5000	5000	5000
Lúa CLC OM 2717 (lúa ướt)	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	5050	5050	5100	5100	5100	5100	5000	5000
Lúa tẻ thường	Kiên Giang-Tân Hiệp	đ/kg	5900		5900		5900	5900		5900
Lúa dài	Kiên Giang-Tân Hiệp	đ/kg	6100		6200		6200	6100		6100
Gạo CLC IR 50404	Vĩnh Long	đ/kg	10000		10000		10000	11000		11000
Gạo tẻ chất lượng cao (CLC)IR 50404	An Giang - Thoại Sơn	đ/kg	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000	10000

HẠT TIÊU										
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY							
			14/12	15/12	16/12	17/12	18/12	21/12	22/12	23/12
Hạt tiêu đen	Bình Phước-Huyện Bù Đốp	đ/kg	190,000		190,000		190,000	190,000		190,000
Hạt tiêu đen	Đắc Lắc-TP Buôn Mê Thuột	đ/kg	175000	175000	173000	173000	173000	173000	174000	173000

HẠT ĐIỀU							
MẶT HÀNG	THỊ TRƯỜNG	ĐƠN VỊ	NGÀY				
			14/12	16/12	18/12	21/12	23/12
Hạt điều khô mua xô	Bình Phước-Huyện Bù Đăng	đ/kg	38500	39000	39000	39000	39500







CÂN ĐỐI XUẤT NHẬP KHẨU TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM

Đơn vị: Lượng = tấn; Giá trị = 1,000 USD

1 Hoa Kỳ: Xuất siêu : 3,103,931 nghìn USD											
Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	129,363	264,480	84.34%	79.07%	1	Bông các loại	431153	718,218	196.81%	156.39%
2	Cao su	34,273	43,685	116.71%	88.94%	2	Cao su	6991	17,273	72.96%	94.38%
3	Chè	7,467	8,889	79.80%	81.54%	3	Dầu mỡ động thực vật		6,765		75.86%
4	Gạo	45,502	25,677	70.70%	75.86%	4	Đậu tương	639,329	308,050	110.30%	90.57%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ		2,383,796		117.80%	5	Gỗ và sản phẩm gỗ		208,378		88.40%
6	Hàng rau quả		51,378		94.26%	6	Hàng rau quả		66,116		118.83%
7	Hàng thủy sản		1,197,580		76.19%	7	Hàng thủy sản		28,938		111.01%
8	Hạt điều	104,308	770,192	116.09%	129.30%	8	Lúa mì	252855	66,191	75.28%	60.99%
9	Hạt tiêu	25,210	249,383	83.00%	102.31%	9	Phân bón các loại	5,464	11,541	190.18%	221.58%
10	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		55,407		107.03%	10	Sữa và sản phẩm sữa		120,674		56.15%
11	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		12,745		496.50%	11	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		400,535		106.90%
	<b>Tổng</b>		<b>5,063,211</b>			12	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		6588.431		64.50%
						13	Muối		14.10741		362.97%
							<b>Tổng</b>		<b>1,959,280</b>		





**6 Brazil: Nhập siêu: 1,619,632 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	10,806	13,724	131.17%	95.59%	1	Bông các loại	95,395	152,696	183.46%	155.70%
2	Hàng thủy sản		67,282		57.07%	2	Đậu tương	718,730	296,593	141.03%	103.14%
3	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		1,667		80.82%	3	Gỗ và sản phẩm gỗ		29,475		104.56%
4	<b>Tổng</b>		<b>82,673</b>			4	Hàng rau quả		3,336		153.52%
						5	Lúa mì	346,483	80,919		
						6	Ngô	4,173,937	882,855	173.54%	147.29%
						7	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		256,433		120.97%
							<b>Tổng</b>		<b>1,702,306</b>		

**Một số quốc gia khu vực châu Á**

**1 Thái Lan: Nhập siêu: 147,882 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	22,778	54,044	66.40%	76.00%	1	Cao su	29,351	44,576	91.71%	76.08%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		19,275		150.30%	2	Dầu mỡ động thực vật		7,537		123.05%
3	Hàng rau quả		28,280		100.32%	3	Gỗ và sản phẩm gỗ		81,020		124.31%
4	Hàng thủy sản		195,270		118.42%	4	Hàng rau quả		189,923		134.43%
5	Hạt điều	8,382	61,113	122.24%	136.52%	5	Hàng thủy sản		11,247		73.75%
6	Hạt tiêu	2,484	28,604	96.65%	131.59%	6	Ngô	8,063	24,461	8.46%	44.73%
7	Phân bón các loại	19,796	5,902	39.01%	34.88%	7	Phân bón các loại	12,721	4,000	170.52%	91.89%
8	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		16,996		146.74%	8	Sữa và sản phẩm sữa		67,806		97.78%
	<b>Tổng</b>		<b>409,484</b>			9	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		98,050		105.95%
						10	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		28,217		76.23%
						11	Muối		531		56.78%
							<b>Tổng</b>		<b>557,366</b>		





**4 Singapore: Xuất siêu: 116,696 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	3,215	10,327	150.51%	135.23%	1	Dầu mỡ động thực vật		1,533		97.11%
2	Cao su	59	77	11.03%	7.63%	2	Hàng thủy sản		4,730		110.99%
3	Gạo	113,115	56,685	64.41%	66.08%	3	Sữa và sản phẩm sữa		107,940		112.88%
4	Gỗ và sản phẩm gỗ		14,471		100.16%	4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		15,322		110.77%
5	Hàng rau quả		22,628		95.96%	5	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		45,473		104.79%
6	Hàng thủy sản		93,708		96.43%	6	Muối		0.9		3.76%
7	Hạt điều	1,001	7,238	46.54%	52.16%		<b>Tổng</b>		<b>174,999</b>		
8	Hạt tiêu	9,272	84,111	63.60%	81.87%						
9	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		2,449		201.48%						
	<b>Tổng</b>		<b>291,695</b>								

**5 Lào: Nhập siêu: 362,406 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng rau quả		6,507		78.16%	1	Gỗ và sản phẩm gỗ		333,335		59.05%
2	Phân bón các loại	16,166	7,055	54.23%	53.90%	2	Ngô	1,508	379	15.38%	14.37%
	<b>Tổng</b>		<b>13,562</b>			3	Phân bón các loại	158,931	42,254	180.70%	171.39%
							<b>Tổng</b>		<b>375,968</b>		

**6 Căm-phu-chia: Nhập siêu: 288,677 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	273	1,235	116.17%	119.84%	1	Cao su	51,204	68,277	136.56%	109.14%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		2,312		114.85%	2	Gỗ và sản phẩm gỗ	0	332,283		141.95%
3	Hàng rau quả		8,627		444.95%	3	Hạt điều	106,445	133,866	220.73%	251.81%
4	Hàng thủy sản		15,910		108.30%	4	Ngô	6,550	1,757	22.38%	21.87%
5	Phân bón các loại	288,698	110,892	67.88%	67.83%		<b>Tổng</b>		<b>536,183</b>		
6	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		108,531		109.83%						
	<b>Tổng</b>		<b>247,506</b>								

**7 Philippin: Xuất siêu: 605,694 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	25,544	56,632	77.73%	57.13%	1	Hàng thủy sản		4,572		50.60%
2	Chè	554	1,458	73.87%	73.92%	2	Phân bón các loại	5,400	3,078	104.25%	95.79%
3	Gạo	1,053,801	429,747	80.34%	72.81%	3	Sữa và sản phẩm sữa		4,609		93.92%
4	Hàng thủy sản		65,874		109.03%	4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		21,119		126.47%
5	Hạt điều	936	6,241	79.05%	94.81%		<b>Tổng</b>		<b>33,379</b>		
6	Hạt tiêu	2,705	18,911	110.27%	135.22%						
7	Phân bón các loại	75,431	26,602	95.09%	114.04%						
8	Sắn và các sản phẩm từ sắn	49,089	21,106	82.24%	81.58%						
9	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		12,502		115.38%						
	<b>Tổng</b>		<b>639,073</b>								

**8 Băng - La- Đét: Xuất siêu: 3,213 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		3,213		109.41%
	<b>Tổng</b>		<b>3,213</b>		



**11 Pakixtan: Xuất siêu: 97,545 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	5,455	7,089	79.68%	59.06%	1	Bông các loại	16,289	21,298	103.84%	84.08%
2	Chè	31,656	71,861	100.64%	98.34%	2	Muối		7		63.88%
3	Hàng thủy sản		17,180		106.68%		<b>Tổng</b>		<b>21,305</b>		
4	Hạt điều	636	4,703	123.02%	138.85%						
5	Hạt tiêu	1,934	18,017		52.80%						
	<b>Tổng</b>		<b>118,850</b>								

**12 Mianma: Nhập siêu: 39,863 nghìn USD**

Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	63	25		
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		1,478		3.19%
3	Hàng rau quả		36,624		68.71%
4	Hàng thủy sản		1,762		39.72%
	<b>Tổng</b>		<b>39,863</b>		

**14 Brunay: Xuất siêu: 7,065 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	11,476	5,836	95.06%	86.24%
2	Hàng thủy sản		1,229		95.67%
	<b>Tổng</b>		<b>7,065</b>		

**15 Irắc: Xuất siêu: 8,180 nghìn USD**

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	101	88		
2	Hàng thủy sản		8,093		125.19%
	<b>Tổng</b>		<b>8,180</b>		

**13 Hồng Công: Xuất siêu: 297,614 nghìn USD**

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	1,497	2,146	68.42%	57.16%
2	Gạo	106,579	55,687	72.55%	64.46%
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		104,399		141.95%
4	Hàng rau quả		16,517		117.11%
5	Hàng thủy sản		134,392		99.69%
6	Hạt điều	1,629	14,464	95.71%	100.87%
	<b>Tổng</b>		<b>327,605</b>		

















**15 Ucraina: Xuất siêu: 14,497 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	485	753	31.13%	27.91%	1	Lúa mì	58,343	12,154		
2	Chè	1,679	2,465	128.86%	125.89%		<b>Tổng</b>		<b>12,154</b>		
3	Gạo	8,557	3,466	81.53%	71.80%						
4	Hàng rau quả		905		59.80%						
5	Hàng thủy sản		8,532		24.12%						
6	Hạt điều	181	1,178	24.97%	23.32%						
7	Hạt tiêu	1,120	9,352	95.56%	117.00%						
	<b>Tổng</b>		<b>26,652</b>								

**16 Ailen: Nhập siêu: 47,025 nghìn USD**

Nhập khẩu					
T T	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Sữa và sản phẩm sữa		46,999		100.79%
2	Muối		26		133.43%
	<b>Tổng</b>		<b>47,025</b>		

**17 Bồ Đào Nha: Xuất siêu: 64,159 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	10,954	20,955	88.82%	81.65%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		2,289		122.33%
3	Hàng thủy sản		40,915		81.22%
	<b>Tổng</b>		<b>64,159</b>		

**18 Thổ Nhĩ Kỳ: Xuất siêu: 55,158 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	18,714	25,180	99.39%	77.97%
2	Chè	130	232	23.34%	18.64%
3	Gạo	1,797	935	52.96%	50.09%
4	Gỗ và sản phẩm gỗ		11,558		65.08%
5	Hàng thủy sản		7,027		108.98%
6	Hạt tiêu	1,280	10,227	80.55%	108.75%
	<b>Tổng</b>		<b>55,158</b>		

**19 Belarus: Nhập siêu: 83,717 nghìn USD**

Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Phân bón các loại	244,273	83,717	121.62%	124.80%
	<b>Tổng</b>		<b>83,717</b>		



**2** *Israen: Xuất siêu: 58,469 nghìn USD*

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	6,936	16,883	104.63%	85.05%	1	Hàng rau quả		1,418		60.79%
2	Hàng thủy sản		36,521		92.95%	2	Phân bón các loại	44,034	17,426	31.03%	35.10%
3	Hạt điều	3,148	23,945	89.03%	94.55%	3	Muối		37		19.17%
	<b>Tổng</b>		<b>77,350</b>				<b>Tổng</b>		<b>18,881</b>		

**3** *ARập Xê-Út: Xuất siêu: 79,638 nghìn USD*

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Chè	1,692	4,269	89.38%	87.68%	1	Phân bón các loại	25,944	12,301	34592.00%	30347.75%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		23,930		134.10%		<b>Tổng</b>		<b>12,301</b>		
3	Hàng thủy sản		63,742		105.53%						
	<b>Tổng</b>		<b>91,940</b>								

**4** *Ai cập: Xuất siêu: 106,002 nghìn USD*

Xuất khẩu					
T T	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	6,872	12,236	160.56 %	141.35 %
2	Hàng thủy sản		60,223		89.30%
3	Hạt tiêu	3,875	33,543	84.04%	101.77 %
	<b>Tổng</b>		<b>106,002</b>		

**5** *CôÔét: Xuất siêu: 28,567 nghìn USD*

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Chè	1,198	1,690	78.20%	57.78%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		8,368		130.44%
3	Hàng rau quả		3,751		139.07%
4	Hàng thủy sản		11,503		100.53%
5	Hạt tiêu	335	3,256	134.00%	180.15%
	<b>Tổng</b>		<b>28,567</b>		

## Một số quốc gia khu vực Châu Mỹ

### 1 Argentina: Nhập siêu: 1,913,241 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cao su	2,786	3,903	102.65%	77.31%	1	Bông các loại	2,486	3,328	20.10%	15.72%
	<b>Tổng</b>		<b>3,903</b>			2	Dầu mỡ động thực vật		91,438		136.64%
						3	Đậu tương	28,326	11,266	21.33%	14.66%
						4	Gỗ và sản phẩm gỗ		6,177		84.62%
						5	Ngô	2,335,675	508,827	655.50%	576.68%
						6	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		1,296,109		108.14%
							<b>Tổng</b>		<b>1,917,144</b>		

### 2 Chile: Nhập siêu: 114,278 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	3,442	1,400	26.51%	25.44%	1	Dầu mỡ động thực vật		9,184		119.73%
	<b>Tổng</b>		<b>1,400</b>			2	Gỗ và sản phẩm gỗ		57,435		130.21%
						3	Hàng rau quả		4,822		118.62%
						4	Hàng thủy sản		28,010		88.41%
						5	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		16,228		95.77%
							<b>Tổng</b>		<b>115,679</b>		

**3 Canada: Xuất siêu: 228,297 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	5,300	10,774	78.03%	73.51%	1	Cao su	172	548	17.25%	14.81%
2	Cao su	3,103	4,673	99.11%	72.20%	2	Đậu tương	80,351	42,642	144.45%	117.29%
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		139,181		99.70%	3	Gỗ và sản phẩm gỗ		5,631		106.10%
4	Hàng rau quả		14,125		95.25%	4	Hàng thủy sản		13,840		77.22%
5	Hàng thủy sản		176,442		72.88%	5	Lúa mì	308,015	76,014	686.98%	500.81%
6	Hạt điều	10,144	77,613	108.65%	114.49%	6	Phân bón các loại	135,535	47,142	82.22%	84.96%
7	Hạt tiêu	1,258	12,271	95.16%	112.49%	7	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		26,138		102.09%
8	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		5,174		75.01%		<b>Tổng</b>		<b>211,955</b>		
	<b>Tổng</b>		<b>440,252</b>								

**4 Mêhicô: Xuất siêu: 133,265 nghìn USD**

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	14,784	26,768	75.48%	66.79%	1	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		1,582		111.55%
2	Cao su	1,468	2,207	183.73%	138.67%		<b>Tổng</b>		<b>1,582</b>		
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		6,007		130.95%						
4	Hàng thủy sản		99,865		92.46%						
	<b>Tổng</b>		<b>134,847</b>								

**5 Colombia: Xuất siêu: 57,920 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Hàng thủy sản		57,920		88.42%
	<b>Tổng</b>		<b>57,920</b>		



## Một số quốc gia Châu Úc

### 1 Ôxtrâyliia: Xuất siêu: 20,363 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	11,560	24,648	94.74%	91.69%	1	Bông các loại	45,182	82,660	61.94%	58.29%
2	Gạo	8,214	4,951	119.49%	103.62%	2	Dầu mỡ động thực vật		2,838		76.78%
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		141,244		99.17%	3	Gỗ và sản phẩm gỗ		3,618		44.43%
4	Hàng rau quả		17,230		106.68%	4	Hàng rau quả		16,713		60.36%
5	Hàng thủy sản		158,972		74.72%	5	Lúa mì	1,087,675	300,362	86.66%	75.43%
6	Hạt điều	14,964	108,541	97.25%	104.57%	6	Sữa và sản phẩm sữa		37,932		102.10%
7	Hạt tiêu	1,554	17,058	82.53%	94.27%	7	Thức ăn gia súc và nguyên liệu		16,293		117.80%
8	Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		9,132		93.11%	8	Muối		996		31.52%
	<b>Tổng</b>		<b>481,776</b>				<b>Tổng</b>		<b>461,413</b>		

### 2 Niuzilân: Nhập siêu: 194,337 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	2,148	3,928	103.52%	82.83%	1	Gỗ và sản phẩm gỗ		49,630		97.46%
2	Gỗ và sản phẩm gỗ		24,246		93.39%	2	Hàng rau quả		13,477		163.42%
3	Hàng thủy sản		20,221		99.91%	3	Sữa và sản phẩm sữa		197,500		81.42%
4	Hạt điều	2,550	18,474	115.59%	132.26%	4	Muối		598		111.78%
	<b>Tổng</b>		<b>66,868</b>				<b>Tổng</b>		<b>261,205</b>		

## Một số quốc gia khu vực Châu Phi

### 1 Bờ biển Ngà: Nhập siêu: 329,121 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	254,659	114,997	143.01%	126.67%	1	Bông các loại	39,718	60,916	125.42%	97.74%
	<b>Tổng</b>		<b>114,997</b>			2	Hạt điều	306,354	383,202	174.25%	213.77%
							<b>Tổng</b>		<b>444,118</b>		

### 2 Nam Phi: Xuất siêu: 44,514 nghìn USD

Xuất khẩu						Nhập khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014		TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị			Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	5,575	9,909	54.17%	49.08%	1	Gỗ và sản phẩm gỗ		4,476		143.77%
2	Gạo	40,138	15,253	108.48%	97.63%	2	Hàng rau quả		13,294		225.41%
3	Gỗ và sản phẩm gỗ		11,825		126.73%		<b>Tổng</b>		<b>17,770</b>		
4	Hạt điều	1,509	10,911	120.72%	139.39%						
5	Hạt tiêu	1,484	14,387	91.49%	107.51%						
	<b>Tổng</b>		<b>62,284</b>								

### 3 Ghana: Xuất siêu: 179,295 nghìn USD

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	351,589	179,295	117.62%	108.70%
	<b>Tổng</b>		<b>179,295</b>		

### 4 Angiêri: Xuất siêu: 74,309 nghìn USD

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Cà phê	32,842	61,628	79.41%	74.02%
2	Gạo	32,165	12,681	88.53%	80.86%
	<b>Tổng</b>		<b>74,309</b>		

**5 Ăng-gô-la: Xuất siêu: 9,990 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	10,550	5,272	78.46%	75.53%
2	Phân bón các loại	11,600	4,718	96.39%	86.31%
	<b>Tổng</b>		<b>9,990</b>		

**6 Xê-nê-gan: Xuất siêu: 747 nghìn USD**

Xuất khẩu					
TT	Mặt hàng	11 tháng/2015		% 2015/2014	
		Lượng	Giá trị	Lượng	Giá trị
1	Gạo	1,224	747	3.68%	6.22%
	<b>Tổng</b>		<b>747</b>		